

# TỈNH NINH BÌNH

## TỜ TÂU TỈNH THẦN NINH BÌNH KÍNH TUÂN LỜI PHÊ BIÊN VẼ BẢN ĐỒ TIẾN TRÌNH

Bản đồ kèm theo:

Tỉnh Ninh Bình

Phủ Yên Khánh

Huyện Yên Khánh

Huyện Yên Mô

Huyện Gia Viễn

Huyện Kim Sơn

Phủ Nho Quan

Huyện Phụng Hóa

Huyện Lạc Yên

Huyện Yên Hóa

寧平省

安慶府

安慶縣

安謨縣

嘉遠縣

金山縣

儒關府

奉化縣

樂安縣

安化縣

## TỈNH NINH BÌNH

Thành tỉnh<sup>1</sup> ở địa phận xã Đại Đăng tổng Yên Đăng huyện Yên Khánh. Thành xây bằng gạch, chu vi [ở chân thành] dài 393 trượng 9 thước, cao 9 thước. Có 3 cửa (đông, tây, nam). Mặt sau dựa vào núi để làm thành, trông xuống là sông lớn. Chu vi trên mặt thành kể cả các ụ thành (nữ tường) dài 383 trượng 6 thước, [ụ thành] cao 1 thước 9 tấc (năm nay dâng tờ tâu xin xây gạch) có 70 lỗ bắn và hốc đặt pháo (trong đó có: 20 lỗ Oanh sơn pháo và Bích sơn pháo, 5 hốc đặt Quá sơn pháo). Ụ thành trên đỉnh núi Hộ Thành<sup>2</sup> chu vi 13 trượng 8 thước 8 tấc, cao có chỗ 3 thước 9 tấc, có chỗ 2 thước 7 tấc, có 3 lỗ bắn (Oanh sơn pháo và Bích sơn pháo). Hai mặt hào bên trái và phía trước rộng 4 trượng sâu 8 thước. Bên phải và phía sau hai mặt nhân theo sông làm hào.

Tỉnh hạt phía đông giáp địa giới huyện Đại An tỉnh Nam Định. Phía tây giáp địa giới huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hoá. Phía nam giáp địa giới hai huyện Tống Sơn và Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá. Phía bắc giáp địa giới hai huyện Thanh Liêm và Chương Đức tỉnh Hà Nội. Phía đông nam giáp cửa biển Chính Đại thuộc huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá. Phía tây nam giáp địa giới huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá. Phía đông bắc giáp hai huyện Ý Yên và Phong Doanh tỉnh Nam Định. Phía tây bắc giáp địa giới huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây và châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hoá.

Đông tây cách nhau 68 dặm. Nam bắc cách nhau 57 dặm.

Tỉnh hạt gồm 2 phủ, 7 huyện.

### 1-Phủ Yên Khánh:

Kiểm lý huyện Yên Khánh.

Thống hạt 3 huyện: Yên Mô, Gia Viễn và Kim Sơn.

### 2-Phủ Nho Quan:

Kiểm lý huyện Phụng Hoá, kiêm nhiếp huyện Lạc Yên.

Thống hạt huyện Yên Hoá.

### Phong tục:

Dân phủ Yên Khánh đều là người Kinh. Trong đó hai huyện Yên Khánh, Yên Mô kẻ sĩ chăm lo học hành mà cương nghị. Nhà nông ra sức cày cấy mà tiết kiệm. Người làm thợ và người đi buôn thì không

<sup>1</sup>Tỉnh Ninh Bình: Thời thuộc Hán thuộc quận Giao Chỉ, thuộc Ngô về sau thuộc Giao Châu, thuộc Lương là châu Trường Yên 長安州. Thời Đinh Lê phần ngoài của kinh đô Hoa Lư vẫn gọi là châu Trường Yên. Năm Thuận Thiên 1 (1010) Lý Thái Tổ đổi là phủ Trường Yên 長安府. Nhưng đến cuối đời Lý có lúc gọi là châu Đại Hoàng Giang 大黃江州 (năm 1203 đời Lý Cao Tông, x. *Toàn thư*; PĐDD, 5-5b: châu Đại Hoàng 大黃州). Đầu đời Trần đổi là lộ Trường Yên 長安路, sau đổi là trấn. Đời Trần Thuận Tông, năm Quang Thắng 10 (1397) đổi trấn Trường Yên làm trấn Thiên Quan 天關鎮. Thời thuộc Minh lấy lại tên cũ là châu Trường Yên thuộc phủ Kiến Bình. Đời Lê Thái Tổ lại gọi là trấn. Năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông định bản đồ toàn quốc, chia trấn Trường Yên làm 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan thuộc thừa tuyên Sơn Nam, gọi chung là Sơn Nam hạ lộ. Đời Lê Trung hưng đặt thuộc Thanh Hoa, gọi là Thanh Hoa ngoại trấn 清華外鎮. Đời Tây Sơn và đầu Nguyễn vẫn gọi là Thanh Hoa ngoại trấn, gồm 2 phủ: phủ Trường Yên (sau đổi là Yên Khánh) gồm 3 huyện: Yên Khang (sau đổi là Yên Khánh), Yên Mô, Gia Viễn, và phủ Thiên Quan (sau đổi là Nho Quan) gồm 3 huyện: Yên Hoá, Phụng Hoá, Lạc Thổ (sau đổi là Lạc Yên). Năm Gia Long 5 (1806) đổi Thanh Hoa ngoại trấn làm đạo Thanh Bình 清平道. Năm Minh Mệnh 3 (1822) đổi làm đạo Ninh Bình. Năm Minh Mệnh 10 (1829) lại đổi làm trấn, lập thêm 1 huyện mới Kim Sơn (cộng 7 huyện). Năm thứ 12 (1831) đổi làm tỉnh Ninh Bình 寧平省, quan đầu tỉnh là tuần phủ, đặt dưới quyền của tổng đốc Hà Ninh (quản hạt cả vùng Hà Nội đến tận Ninh Bình). Cho đến đời Đồng Khánh không thay đổi. Đầu đời Thành Thái cắt huyện Lạc Yên về tỉnh Hoà Bình mới lập, phần còn lại là tỉnh Ninh Bình hiện nay.

<sup>2</sup>Núi Hộ Thành, tức núi Non Nước, x. Sông núi phủ Yên Khánh.

được tinh xảo và cơ ngơi phần nhiều cũng không lớn. Huyện Gia Viễn có đủ cả sĩ, nông, chài lưới, đốn củi, nghề nghiệp không giống nhau. Kẻ sĩ chuộng khí tiết mà thật thà. Người làm ruộng phần lớn lo góc mà cần kiệm. Đàn bà nuôi tằm dệt vải lụa thô, người nghèo hái củi kiếm sống. Các phường thủy cư làm nghề chài lưới đánh cá. Huyện Kim Sơn kẻ sĩ chuộng việc học hành và tiết kiệm. Nhà nông chăm chỉ cấy cày nhưng lại hoang phí. Thợ thì không được tinh khéo lắm, người buôn bán không ai có thuyền bè buôn bán lớn. Việc cưới xin tang tế đại khái cũng giống phủ Nho Quan. Ở hai huyện Phụng Hoá, Yên Hoá người Kinh và người Thổ (Mường) ở xen kẽ, [số dân] cũng xấp xỉ nhau. Riêng huyện Lạc Yên thì đều là người Thổ (Mường). Người Kinh dưng cảm có dư nhưng văn nhã thì không đủ. Người Thổ (Mường) bản tính mạnh tợn, không học chữ Nho (Thi, Thư), chỉ một số chức sắc hào mục có đón thầy về dạy học. Thờ cúng thần linh thì tiết kiệm, nhưng các việc cưới xin tang ma thì làm to, tốn kém. Dân chúng đối với các chức sắc hào mục hết lòng kính trọng. Tục lệ chuộng đồng mo, trừ độc. Ở thì ở nhà sàn, áo quần đồ mặc sơ sài, ăn uống đạm bạc. Cách sống của người Kinh người Thổ (Mường) không giống nhau, đó cũng là do tập tục khiến nên như vậy. Theo Thiên chúa giáo giám tông thì huyện Yên Khánh có 18 xã, thôn trang phường, huyện Yên Mô có 20 xã thôn phường, huyện Gia Viễn cả toàn tông, giám tông 20 xã thôn phường, huyện Kim Sơn cả toàn tông, giám tông 41 xóm (lý) áp trại giáp, huyện Phụng Hoá giám tông có 5 xã, huyện Lạc Yên giám tông 2 xã, huyện Yên Hoá cả toàn tông, giám tông 5 xã. Tập tục không giống nhau, xin xem phần ghi về các huyện.

#### **Sản vật:**

Huyện Gia Viễn nhiều lúa hè, ít lúa thu. Hai huyện Yên Khánh, Yên Mô lúa thu nhiều, lúa hè ít. Huyện Kim Sơn thì đều là lúa vụ thu. Bông, đậu, khoai, ngô rau, dưa thì các huyện đều có, nhưng cũng không nhiều lắm. Huyện Yên Khánh có rươi, đay, hoa cúc núi. Huyện Yên Mô có hoa cúc núi. Huyện Kim Sơn có cây cối (lác), tôm, cua, vịt, lươn, rươi. Huyện Gia Viễn có cá chép, nhưng nhiều hay ít tùy theo từng năm. Huyện Yên Khánh dệt chiếu nạp thuế. Ba huyện trong phủ Nho Quan lúa thu nhiều, lúa hè ít. Dâu, đay, đậu, ngô đều có nhưng cũng không được mấy. Lâm sản thì chỉ huyện Lạc Yên một số nơi có mật ong, sa nhân, tre đóm. Hai huyện Phụng Hoá, Yên Hoá có khoai, củ mỡ, củ mài, sắn dây, vầu, nứa và gỗ tạp mà thôi.

#### **Khí hậu:**

Phủ Yên Khánh thuộc vùng hạ du, thời tiết các tháng mùa xuân có gió đông bắc, mưa phùn, hơi lạnh. Các tháng mùa hè gió nam, mưa rào trời nắng. Tháng 7, 8 gió tây bắc, thỉnh thoảng mưa nhiều bị úng lụt. Hàng năm vào ngày 20 tháng 9 và mồng 5 tháng 10 là tiết có rươi. Tháng 11, 12 gió bắc, giá rét. Thời tiết làm nông, vụ hè tháng 11, 12 xuống cấy, tháng 5 thu hoạch, vụ thu tháng 6, 7 xuống cấy, tháng 10 thu hoạch. Khoai sắn bông đậu thì tháng 1, 2 trồng, tháng 4, 5 thu hoạch. Riêng huyện Kim Sơn gần biển, ruộng cấy vụ thu vùng gần nước mặn thì phải xuống cấy vào tháng 4, 5, đến tháng 8, 9 thu hoạch, vùng gần nước ngọt xuống cấy tháng 6, tháng 10 gặt.

Thuỷ triều mỗi tháng 2 lần, riêng tháng 2 và tháng 8 là 3 lần. Phủ Nho Quan ở vùng lưng rừng núi, nhiều khí độc lam chướng, khí trời âm u, lạnh giá. Người Thổ ở nhà sàn, không lấy củi đốt than. Chỉ người Kinh ở gần vùng hạ du thì nhà ở và công việc cấy cày thu gặt cũng giống như các huyện miền dưới.

#### **Núi sông:**

Trong tỉnh hạt nhiều núi. Nếu các núi có tên thì huyện Yên Khánh có các núi Hộ Thành (núi Non Nước), Hôi Hạc, Diên Xí (núi Cảnh Diêu). Huyện Gia Viễn có các núi, động: Địch Lộng, Kẽm Trống, Hoa Lư, Thổ Tích, Xuyên Thủy, Mã Yên, Hoàn Kỳ, Đa Giá. Huyện Yên Mô có các núi: Thiện Dưỡng, Hải Nham, Đàm Khánh, Ngọc Thổ, Bằng Sơn, Xa Triệt. Huyện Phụng Hoá có các núi Mã Can,

Chân Lại, Sơn Âm. Huyện Lạc Yên có các núi đèo: Thạch Bi, Ngọc Lâu, Túc Tranh, Bình Hiểm, Vũ Lao. Huyện Yên Hoá có núi Mã Hương.

-Một dòng sông lớn từ xã Hưng Thí huyện Yên Hoá chảy qua đôn Ninh Cương, quanh co chảy đến ngã ba Kênh Gà huyện Gia Viễn.

-Một dòng sông lớn từ phủ Nho Quan chảy qua bến đò xã Lãng Phong đổ vào ngã ba Đồng Đình, hợp dòng với Kênh Gà, chảy qua Hoàng Long, Trường Yên, chảy đến ngã ba Gián Khẩu.

-Một dòng sông lớn từ sông Thanh Quyết giáp giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội qua ngã ba Gián Khẩu, ngã ba Non Nước, ngã ba sông Bồng Hải (đối bờ với sông Độc Bộ tỉnh Nam Định), đến sông Đài Giang ở cửa Liêu<sup>1</sup> tỉnh Nam Định.

-Một dòng sông nhỏ từ sông Vân Sàng qua Yên Đãng, Hương Du, đến ngã ba Yên Phú, rẽ về các xã Liên Trì, Trinh Nữ, chia làm hai dòng: một dòng từ Bồ Xuyên, Ngọc Thổ chảy đến xã Nhân Phẩm đổ vào sông Chính Đại tỉnh Thanh Hoá, một dòng theo sông Hồ, sông Kiên Giang chảy về phía đông rồi đổ ra biển.

-Một dòng sông nhỏ từ ngã ba Yên Phú huyện Yên Khánh qua Khương Giang, Thổ Mật huyện Yên Mô, Trì Chính huyện Kim Sơn đổ vào sông Đài Giang (con sông này tục gọi là sông Vạc).

Các sông dòng còn nhiều, xem kỹ ở phân ghi về các huyện.

#### **Danh thắng:**

Huyện Yên Khánh có chùa Động Sơn, chùa Đại Đàng.

Huyện Gia Viễn có chùa Cổ Am.

Huyện Yên Mô có chùa núi Bích Động.

Huyện Yên Hoá có chùa núi Tam Động.

#### **Đường đi:**

Các đường nhánh đường rẽ, xin xem phân ghi về các huyện.

-Một đường quan báo từ phía nam giáp núi Tam Điệp tỉnh Thanh Hoá, qua 2 trạm Ninh Du, Ninh Đa đến sông Thanh Quyết đối bờ với địa giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội, dài 7.377 trượng, rộng từ 8 thước đến trên dưới 1 trượng.

-Một đường quan báo từ trạm Ninh Đa đến bến đò La Mai, sang đến giáp giới tỉnh Nam Định, dài 280 trượng, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ cầu Phúc Đãng ở thành tỉnh đi về phía đông, quanh co đi đến đôn Phùng Thiện tổng Bồng Hải, dài 3.336 trượng 1 thước, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ cầu Phúc Đãng ở thành tỉnh đi về phía tây, quanh co đi đến đường quan báo ở thôn Phúc Am, dài 140 trượng, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ đường quan báo ở xã Gián Khẩu đi về phía tây bắc, qua các bến đò Ngô Đông, Vô Hốt, đến phủ lý Nho Quan, dài 3.939 trượng 5 thước, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ cầu Lý Nhân đi về phía đông đến huyện Yên Mô, dài 1905 trượng, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lý Yên Mô đi về phía nam đến giáp giới huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá, dài 2.087 trượng, rộng 5 thước đến trên dưới 1 trượng.

#### **Đồn lũy:**

-Đồn Lý Nhân: đóng ở xã Lý Nhân, huyện Yên Mô.

<sup>1</sup>Ngv. Đài Giang Liêu hải khẩu, ngv. chữ "Liêu 遼" chép nhầm thành chữ "biên 邊", nhưng ở bản đồ chép đúng.

- Đồn Phùng Thiện: đóng ở xã Phùng Thiện huyện Yên Khánh.
- Đồn Chất Thành: đóng ở làng Chất Thành huyện Kim Sơn.
- Tấn Trì Chính: đóng ở ấp Trì Chính huyện Kim Sơn.
- Đồn Ninh Cương: đóng ở xã Chi Nè huyện Yên Hoá.
- Đồn Chung Khê: đóng ở xã Phong Phú huyện Lạc Yên.
- Đồn Mỹ Hoà: đóng ở xã Mỹ Hoà huyện Lạc Yên.
- Đồn Địch Giáo: đóng ở xã Địch Giáo huyện Lạc Yên.
- Đồn Đụn Cỏ: đóng ở xã Văn Lãng huyện Lạc Yên.
- Đồn Hoàn Giang: đóng ở xã Tân Mỹ huyện Lạc Yên.

**Văn Từ:**

- Văn miếu tỉnh: đặt ở thôn Phúc Am huyện Yên Khánh.
- Văn miếu phủ: đặt ở xã Lịch Dương huyện Yên Khánh.
- Văn từ các huyện:

(Đặt ở các xã Thượng Trạo huyện Yên Khánh, xã Đa Giá huyện Gia Viễn, thôn Thượng xã Yên Mô huyện Yên Mô, ấp Như Độ huyện Kim Sơn, xã Lãng Phong huyện Phụng Hoá).

**Miếu có tên:**

- Miếu Đinh Tiên Hoàng: ở xã Trường Yên Thượng huyện Gia Viễn.
- Miếu Lê Đại Hành Hoàng đế: ở xã Trường Yên Hạ huyện Gia Viễn.
- Đền Nguyễn Giác Hải: ở xã Yên Vệ huyện Yên Khánh.
- Đền Áp Lãng Chân nhân: tổng Thân Phù huyện Yên Mô phụng thờ.
- Đền Nguyễn Minh Không: 2 xã Diêm Xá, Diêm Giang huyện Gia Viễn cùng thờ.
- Đền Trần Thái sư: ở xã Trà Tu, huyện Yên Mô.
- Miếu Trần Thái Tông Hoàng đế: tổng Vũ Lâm huyện Yên Khánh phụng thờ.
- Đền thần An Quốc: ở xã Đa Lộc huyện Gia Viễn.
- Miếu hai vua Trần Giản Định, Trần Trùng Quang: ở xã Bồ Xuyên huyện Yên Mô.
- Đền Lương Quận công: ở xã Đàm Khánh huyện Yên Mô.
- Miếu Triệu Việt vương: ở xã Tiên Yên huyện Yên Khánh.
- Đền thần Cao Sơn: ở xã Yên Lão huyện Phụng Hoá.
- Đền thần Quảng Uyên: ở xã Chi Phong huyện Gia Viễn thờ.
- Đền bốn vị thần Nam Hải: ở thôn Càn xã Yên Mô huyện Yên Mô.
- Đền Trương Hán Siêu: ở thôn Phúc Am huyện Yên Mô.
- Đền Liễu Hạnh Công chúa: ở xã Lý Nhân huyện Yên Mô.

Dân số các hạng: 30.984 người.

Ruộng đất công, tư: 146.742 mẫu có lẽ.

Thuế ruộng:

- Nộp bằng tiền: 77.728 quan có lẽ.
- Nộp bằng thóc: 106.254 hộc có lẽ.

Lính giản: 2.333 người.

## PHỦ YÊN KHÁNH

Phủ hạt ở phía tây tỉnh thành. Phủ kiêm lý huyện Yên Khánh, thống hạt 3 huyện Yên Mô, Gia Viễn và Kim Sơn.

Phủ lý<sup>1</sup> đóng ở xứ Bình Sảng thôn Phúc Am tổng Yên Đãng huyện Yên Khánh, gần với khu dân cư. Bốn mặt xây tường đất, phía đông dài 19 trượng, phía tây 18 trượng, phía nam 14 trượng, phía bắc 15 trượng. Chu vi cộng 66 trượng, cao 5 thước, dày 4 thước. Bên ngoài đóng cọc nhọn và trồng tre gai. Có 1 cửa tiền.

Phủ hạt phía đông giáp sông lớn, đối bờ là địa giới huyện Đại An tỉnh Nam Định. Phía tây giáp huyện Phụng Hoá phủ Nho Quan. Phía nam giáp núi Tam Điệp và địa giới huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá. Phía bắc giáp sông Thanh Quyết, đối bờ là địa giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội.

Đông tây cách nhau 53 dặm. Nam bắc cách nhau 42 dặm.

Phủ kiêm lý huyện Yên Khánh:

**Huyện Yên Khánh**, 11 tổng:

- |                  |                     |                    |                  |
|------------------|---------------------|--------------------|------------------|
| 1. Tổng Yên Đãng | 2. Tổng Dương Vũ    | 3. Tổng Đông Phú   | 4. Tổng Yên Ninh |
| 5. Tổng Diên Mậu | 6. Tổng Yên Vệ      | 7. Tổng Thiện Trạo | 8. Tổng Vũ Lâm   |
| 9. Tổng Yên Lão  | 10. Tổng Lịch Dương | 11. Tổng Bồng Hải  |                  |

Thống hạt 3 huyện: Yên Mô, huyện Gia Viễn, huyện Kim Sơn; 28 tổng:

1-**Huyện Yên Mô**, 9 tổng:

- |                    |                 |                 |                   |
|--------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| 1. Tổng Quang Phúc | 2. Tổng Nộn Khê | 3. Tổng Thổ Mật | 4. Tổng Bạch Liên |
| 5. Tổng Đàm Khánh  | 6. Tổng Yên Mô  | 7. Tổng Yên Vân | 8. Tổng Lạn Khê   |
| 9. Tổng Thân Phù   |                 |                 |                   |

2-**Huyện Gia Viễn**, 12 tổng:

- |                   |                    |                      |                   |
|-------------------|--------------------|----------------------|-------------------|
| 1. Tổng Đa Giá    | 2. Tổng La Mai     | 3. Tổng Kỳ Vĩ        | 4. Tổng Quan Vinh |
| 5. Tổng Tri Hối   | 6. Tổng Trường Yên | 7. Tổng Đại Hữu      | 8. Tổng Lê Xá     |
| 9. Tổng Liên Đãng | 10. Tổng Uy Viễn   | 11. Tổng Thanh Quyết | 12. Tổng Văn Cái  |

3-**Huyện Kim Sơn**, 7 tổng:

- |                    |                   |                   |                |
|--------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| 1. Tổng Chất Thành | 2. Tổng Hồi Thuần | 3. Tổng Hương Đạo | 4. Tổng Tự Tân |
| 5. Tổng Quy Hậu    | 6. Tổng Tuy Lộc   | 7. Tổng Lai Thành |                |

### Phong tục:

Bốn huyện trong phủ hạt đều là người Kinh. Huyện Yên Khánh, Yên Mô kẻ sĩ chăm lo sự nghiệp mà cương nghị. Nhà nông chuộng gốc mà cần kiệm. Người làm thợ và đi buôn thì không tinh xảo và cũng không có buôn bán lớn, chỉ giữ mức không mấy chênh lệch nhau.

Huyện Gia Viễn sĩ nông ngư tiêu đủ hạng, nghề nghiệp không giống nhau. Kẻ sĩ chuộng khí tiết mà chân chất. Dân nông trọng gốc mà tiết kiệm. Đàn bà con gái nuôi tầm dẹt vải lụa. Dân nghèo đón củi làm kế sinh nhai. Các phường thủy cư làm nghề chài lưới đánh cá.

<sup>1</sup>Phủ Yên Khánh: Đời Lý là phủ Trường Yên, đời Trần là lộ, sau đổi là trấn. Thời thuộc Minh là châu, gồm 4 huyện: Uy Viễn, Yên Mô, Yên Ninh, Lê Bình (sau bỏ huyện Uy Viễn). Năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông định lại phủ châu huyện trong cả nước, đặt phủ Trường Yên thuộc thừa tuyên Sơn Nam, gồm 3 huyện Gia Viễn, Yên Ninh (đời Lê Trung hưng đổi là Yên Khang), Yên Mô. Đầu đời Gia Long vẫn theo như thế (Yên Khang kiêng húy đổi là Yên Khương 安姜, sau đổi là Yên Khánh). Năm Minh Mệnh 2 (1821) đổi phủ Trường Yên làm phủ Yên Khánh. Năm Minh Mệnh 10 (1829) lập thêm huyện mới Kim Sơn đặt thuộc phủ Yên Khánh. Như vậy phủ Yên Khánh gồm phần lớn đất tỉnh Ninh Bình ngày nay, bao gồm thị xã, huyện Hoa Lư, huyện Tam Điệp, Gia Viễn và Kim Sơn.

Huyện Kim Sơn kẻ sĩ ham học và cần kiệm. Nhà nông chăm chỉ cấy trồng nhưng lại xa xỉ. Thợ không mấy tinh xảo, người buôn bán không có tàu thuyền lớn. Các tục cưới xin tang ma đại khái các nơi cũng như nhau.

Theo đạo Thiên chúa giáo thì ở huyện Yên Khánh 18 xã giám tông, huyện Yên Mô 20 xã thôn phường giám tông, huyện Gia Viễn cả giám tông và toàn tông 20 xã, thôn, phường, huyện Kim Sơn cả giám tông và toàn tông 41 xóm (lý), ấp, trại, giáp.

### **Sản vật:**

Trong phủ hạt, huyện Gia Viễn lúa hè nhiều, lúa thu ít. Hai huyện Yên Khánh, Yên Mô lúa thu nhiều, lúa hè ít. Huyện Kim Sơn thì đều là lúa thu. Các sản vật thông thường như bông, đậu, khoai, ngô, rau, dưa thì cả 3 huyện Yên Khánh, Yên Mô, Gia Viễn đều có, nhưng cũng không nhiều. Riêng Yên Khánh thì có rươi, vỏ đay, hoa kim cúc núi. Huyện Yên Mô có cói (lác), tôm, cua, vịt, lươn, rươi. Huyện Gia Viễn có cá chép, nhưng nhiều ít tùy theo từng năm. Huyện Yên Khánh có nghề dệt chiếu trắng có nột thuê.

### **Khí hậu:**

Tháng giêng, tháng hai gió đông bắc, mưa phùn, hơi lạnh. Tháng 3, 4 gió đông nam, có mưa rào, thời tiết ấm dần. Tháng 5, 6 gió nam thổi mạnh, hơi nóng bốc hừng hực. Tháng 7, 8 gió tây bắc, có lúc đất đóng băng, thường có mưa lạnh. Đó là khí hậu các mùa.

Ba huyện Yên Khánh, Yên Mô và Gia Viễn vụ hạ xuống cấy vào tháng 11, 12, tháng 4, 5 thu hoạch. Vụ thu xuống cấy vào tháng 6, 7, tháng 10 thu hoạch. Khoai, sắn, bông, đậu trồng vào tháng giêng, tháng 2, tháng 4, 5 thu hoạch. Riêng huyện Kim Sơn, vùng gần nước mặn thì xuống cấy vào tháng 4, 5, thu hoạch vào tháng 8, 9, vùng gần nước ngọt cấy vào tháng 6 thu hoạch vào tháng 10. Đó là thời vụ việc nhà nông. Về thủy triều, mỗi tháng 2 lần. Riêng tháng 2 và 8, 3 lần. Đó là thời tiết làm nông nghiệp.

Thủy triều mỗi tháng 2 lần, riêng tháng 2 và tháng 8 mỗi tháng 3 lần.

### **Núi sông:**

Ba huyện trong phủ là Yên Khánh, Yên Mô và Gia Viễn đều nhiều núi. Kể núi có tên thì có:

Huyện Yên Khánh có núi Hộ Thành, núi Hồi Nhạn, núi Diên Xí (núi Cảnh Diều).

Huyện Gia Viễn có núi Địch Lộng, núi Kẽm Trống, động Hoa Lư, động Thổ Tích, động Xuyên Thủy, núi Mã Yên (Yên Ngựa), núi Hoàn Kỳ, núi Đa Giá.

Huyện Yên Mô có núi Thiện Dương, núi Hải Nham, núi Đàm Khánh, núi Ngọc Thổ, núi Bằng Sơn, núi Xa Triệt.

Sông lớn có 3 dòng:

-Một dòng từ đôn Ninh Cương huyện Yên Hoá đổ xuống ngã ba Kênh Gà, huyện Gia Viễn.

-Một dòng từ bến đò phủ Nho Quan đổ xuống ngã ba Đồng Đình huyện Gia Viễn, hợp dòng ở ngã ba Kênh Gà, qua sông Đại Hoàng, Trường Yên đổ vào ngã ba Gián Khẩu.

-Một sông từ sông Thanh Quyết giáp giới tỉnh Hà Nội quanh co chảy đến ngã ba Gián Khẩu hợp dòng chảy qua sông Non Nước, sông Bông Hải, đổ ra sông Đai Giang ở cửa Liêu.

Sông nhỏ có 3 dòng:

-Một dòng từ sông Vân Sàng ở huyện Yên Khánh chảy qua các xã Yên Đãng, Hương Du đến ngã ba Yên Phú.

-Một dòng từ ngã ba Yên Phú chảy qua các xã Thạch Lỗi, Lịch Dương, Yên Liêu, Liên Trì đến giang phận sông Trinh Nữ, chia làm 2 nhánh: Một nhánh từ Hồ Hà, Kiên Giang chảy về phía đông rồi đổ ra biển. Một nhánh từ Bô Xuyên, Ngọc Thổ đổ vào sông Chính Đai ở Thanh Hoá.

-Một dòng từ ngã ba Yên Phú huyện Yên Khánh chảy qua các xã Lịch Dương, Yên Liêu, Yên Ninh hợp dòng với sông Khương Giang ở xã Thổ Mật huyện Yên Mô, và sông xã Trì Chính huyện Kim Sơn, đổ vào sông Đái Giang.

Các sông dòng còn nhiều, xem kỹ ở phân ghi về các huyện.

**Danh thắng:**

Huyện Yên Khánh có chùa Động Sơn, chùa Đại Đăng. Huyện Gia Viễn có chùa Cổ Am. Huyện Yên Mô có chùa Bích Động.

**Đường đi:**

-Một đường quan báo phía nam từ núi Tam Điệp giáp địa giới tỉnh Thanh Hoá qua trạm Ninh Du huyện Yên Mô, trạm Ninh Đa huyện Gia Viễn đến cuối địa giới ở sông Thanh Quyết giáp tỉnh Hà Nội, dài 7.377 trượng, rộng từ 8 thước đến trên dưới 1 trượng.

-Một đường quan báo từ trạm Ninh Đa đến bến đò La Mai, đến giáp giới tỉnh Nam Định, dài 280 trượng, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía nam, theo đường quan báo ở xã Lý Nhân đến huyện lý Yên Mô, dài 1.905 trượng, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ cầu Ninh Bình ở phía đông phủ lý đi đến đôn Phùng Thiện tổng Bồng Hải, dài 3.336 trượng rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía bắc đến đường quan báo ở xã Gián Khẩu đi đến bến đò Ngô Đồng, dài 3.200 trượng, rộng 4 thước.

**Văn từ:**

-Văn từ xã Lịch Dương: Hai xã Lịch Dương, Thiện Trạo huyện Yên Khánh cùng thờ.

-Văn từ xã Đa Giá huyện Gia Viễn.

-Văn từ ở thôn Thượng xã Yên Mô huyện Yên Mô.

-Văn từ ở ấp Như Độ huyện Kim Sơn.

**Miếu có tên:**

-Miếu Đinh Tiên Hoàng đế: ở xã Trường Yên Thượng huyện Gia Viễn.

-Miếu Lê Đại Hành Hoàng đế: ở xã Trường Yên Hạ huyện Gia Viễn.

-Đền Nguyễn Minh Không: 2 xã Diêm Giang, Diêm Xá huyện Gia Viễn cùng thờ.

-Đền thần An Quốc: ở xã Đa Giá huyện Gia Viễn.

-Đền thần Quảng Uyên: ở xã Chi Phong huyện Gia Viễn.

-Miếu Trần Thái Tông: tổng Vũ Lâm huyện Yên Khánh phụng thờ.

-Đền Triệu Việt vương: ở xã Tiên Yên huyện Yên Khánh.

-Đền Trương Hán Siêu: ở thôn Phúc Am huyện Yên Khánh.

-Đền Nguyễn Giác Hải: ở xã Yên Vệ huyện Yên Khánh.

-Đền Áp Lãng Chân nhân: tổng Thân Phù huyện Yên Mô phụng thờ.

-Đền Công chúa Liễu Hạnh: ở xã Lý Nhân huyện Yên Mô.

-Đền Trần Thái sư: ở xã Trà Tu huyện Yên Mô.

-Đền thờ bốn vị thần Nam Hải: ở thôn Càn xã Yên Mô huyện Yên Mô.

-Đền Lương Quận công: ở xã Đàm Khánh huyện Yên Mô.

-Miếu thờ hai vua Trần Giản Định, Trần Trùng Quang: xã Bồ Xuyên phụng thờ.

**Đồn lũy:**

- Đồn Lý Nhân: ở xã Lý Nhân.
- Đồn Phùng Thiện: ở xã Phùng Thiện.
- Đồn Chát Thành: ở xóm (lý) Chát Thành.
- Tấn Trì Chính: ở ấp Trì Chính.

**Đình điền, thuế lệ:**

- Dân số toàn phủ: 23.809 người.
- Ruộng công tư: 131.346 mẫu có lẽ.
- Thuế ruộng:
  - Nộp bằng tiền: 66.605 quan có lẽ.
  - Nộp bằng thóc: 99.839 học có lẽ.
- Lính giã: 2.219 người.

## HUYỆN YÊN KHÁNH

Huyện Yên Khánh<sup>1</sup> do phủ kiêm lý.

Huyện hạt phía đông giáp sông lớn, đối bờ với địa giới huyện Đại An tỉnh Nam Định. Phía tây giáp huyện Gia Viễn. Phía nam giáp huyện Yên Mô. Phía bắc giáp huyện Gia Viễn, và huyện Phong Doanh tỉnh Nam Định.

Đông tây cách nhau 38 dặm. Nam bắc cách nhau 21 dặm.

Huyện có 11 tổng 72 xã, thôn, trang, phường, vạn (trong đó có 2 phường thủy cơ).

**1-Tổng Yên Ninh, 6 xã:**

- |                 |                |                 |               |
|-----------------|----------------|-----------------|---------------|
| 1.Xã Minh Thịnh | 2.Xã Vân Bông  | 3.Xã Phương Mai | 4.Xã Đống Hải |
| 5.Xã Yên Ninh   | 6.Xã Cống Thủy |                 |               |

**2-Tổng Yên Đăng, 11 xã, thôn, phường, vạn:**

- |                 |                   |                      |                    |
|-----------------|-------------------|----------------------|--------------------|
| 1.Xã Yên Đăng   | 2.Xã Đại Đăng     | 3.Thôn Phúc Am       | 4.Pường Khương Lộc |
| 5.Xã Bích Đào   | 6.Thôn Phúc Chính | 7.Xã Cổ Loan         | 8.Vạn Trực Độ      |
| 9.Thôn Phúc Trì | 10.Pường Phủ Vĩng | 11.Pường Nguống Vĩng |                    |

**3-Tổng Thiện Trạo, 5 xã:**

- |                 |                 |               |                |
|-----------------|-----------------|---------------|----------------|
| 1.Xã Thiện Trạo | 2.Xã Trâm Hương | 3.Xã Yên Phúc | 4.Xã Yên Khoái |
| 5.Xã Phúc Lộc   |                 |               |                |

**4-Tổng Lịch Dương<sup>2</sup>, 6 xã, thôn:**

- |  |                         |                          |
|--|-------------------------|--------------------------|
| 1.Thôn Thượng xã Lịch Dương <sup>3</sup> | 2.Thôn Hạ xã Lịch Dương | 3.Xã Yên Cư <sup>4</sup> |
| 4.Thôn Trung xã Lịch Dương               |                         |                          |

<sup>1</sup>Huyện Yên Khánh: Từ đời Trần về trước là huyện Yên Ninh 安寧縣. Đời Lê Quang Thuận vẫn gọi là huyện Yên Ninh, đặt thuộc phủ Trường Yên. Đời Mạc giữ như cũ. Đầu đời Lê Trung hưng, kiêng húy Trang Tông Lê Ninh (1533-48), đổi là huyện Yên Khang 安康縣. Năm đầu đời Gia Long (1802) kiêng chữ Khang đổi làm Yên Khương 安姜 (PĐĐĐ), sau đổi là Yên Khánh 安慶. Nay là vùng thị xã và huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình.

<sup>2</sup>Xem chú sát dưới.

<sup>3</sup>Tổng và xã Lịch Dương, từ đời Minh Mệnh về trước là tổng và xã Triền Dương 廛陽. Năm 1843 kiêng chữ Triền (cận âm với tên húy vua Thiệu Trị), đổi là Lịch Dương 曆陽.

<sup>4</sup>Xã An Cư: Đầu Nguyễn về trước là xã An Cảo 安杲, từ 1836 theo lệnh kiêng húy đời Minh Mệnh kiêng đồng âm chữ Cảo (biệt húy của Gia Long), đổi là An Cư 安居.

5.Thôn Tam xã Yên Khê

6.Xã Phú Mỹ<sup>1</sup>

**5-Tổng Diên Mậu**, 5 xã, thôn, trang:

1.Xã Diên Mậu

2.Trang Đông Hội

3.Thôn Thượng xã Tiên Yên

4.Thôn Hạ xã Tiên Yên 5.Thôn Trung xã Tiên Yên

**6-Tổng Bông Hải**, 9 xã:

1.Xã Phú Hậu

2.Xã Quy Hậu

3.Xã Kiến Ốc

4.Xã Nhuận Ốc

5.Xã Nho Lâm

6.Xã Phùng Thiện

7.Xã Hiếu Thiện

8.Xã Quyết Trung

9.Xã Phụng Công

**7-Tổng Vũ Lâm**, 4 xã:

1.Xã Văn Lâm

2.Xã Vũ Lâm

3.Xã Tuân Cáo

4.Xã Khê Đầu

**8-Tổng Đông Phú**, 4 xã, thôn:

1.Xã Thảng Động

2.Thôn Thất xã Đông Phú

3.Xã Tịch Trán

4.Thôn Nhị xã Đông Phú

**9-Tổng Yên Liêu**, 7 xã, thôn:

1.Thôn Thượng xã Yên Liêu

2.Xã Bồ Vi

3.Xã Yên Phú

4.Thôn Yên Cống

5.Thôn Hạ xã Yên Liêu

6.Thôn Tam xã Thạch Lỗi

7.Thôn Yên Bắc

**10-Tổng Dương Vũ**, 10 xã, thôn, trang:<sup>2</sup>

1.[Xã Dương Vũ]

2.Trang Đông xã Át Lỗ

3.Thôn Hoàng Sơn

4.Thôn Vũ Xá

5.Thôn Mai Xá

6.Thôn Thượng xã Côn Lãng

7.Thôn Hạ xã Côn Lãng

8.Thôn Bộ Đầu

9.Thôn Xuân Áng

10.Thôn Chân Lữ

**11-Tổng Yên Vệ**, 5 xã, thôn:

1.Xã Yên Vệ

2.Xã Yên Xuyên

3.Xã Yên Lý

4.Xã Phương Du

5.Xã Hương Du

**Phong tục:**

Trong huyện đều là người Kinh, phong tục thuần hậu chất phác. Kể sĩ chuộng văn học mà chân chất. Nhà nông chăm chỉ cấy trồng và tiết kiệm. Thợ không tinh xảo lắm, ít người làm nghề buôn bán. Riêng vạn Trục Độ không có ruộng đất, chỉ làm nghề đóng thuyền, chở đồ thuê làm kế sinh nhai. Hai phường thuỷ cơ Ngưỡng Vĩng và Phủ Vĩng làm nghề đan lưới và đánh cá. Việc cưới xin phần nhiều làm vào các tháng mùa xuân. Đám tang thì người nghèo để 1-2 ngày thì chôn cất. Nhà giàu có khi để quan tài trong nhà đến 10 ngày mới chôn. Việc tang xong thì chọn đất để cải táng. [Tế thần] mùa xuân làm lễ tế cầu phúc, mùa thu tế tiến tân (dâng cơm mới). Mỗi khi có điều phúng hoặc lễ mừng chỉ làm vừa mức hợp tình hợp nghĩa mà thôi. Trong huyện các nơi theo đạo Thiên chúa giáo giám tông có: xã Diên Mậu, thôn Trung xã Tiên Yên, thôn Thượng xã Tiên Yên, xã Phú Mỹ, Đông Trang, thôn Chân Lữ, thôn Vũ Xá, thôn Mai Xá, thôn Phú Lãng, xã Quy Hậu, xã Nho Lâm, xã Quyết Trung, xã Kiến Ốc, xã Phương Mai, xã Yên Ninh, xã Cống Thuỷ, phường Phủ Vĩng và phường Ngưỡng Vĩng gồm 18 xã thôn, trang, phường. Phong tục các thôn này khác với dân lương (xem phân ghi về huyện Kim Sơn).

**Sản vật:**

Trong huyện lúa hè nhiều, lúa thu ít. Riêng tổng Bông Hải đều là lúa thu. Bông, đậu, ngô, khoai, rau, dưa thì các tổng Yên Đãng, Thiện Trạo, Yên Vệ, Yên Ninh, Yên Liêu đều có. Đay thì tổng Bông Hải có trồng, nhưng cũng không nhiều. Núi Hộ Thành có hoa cúc núi. Vùng sông các tổng Yên Vệ,

<sup>1</sup>Xã Phú Mỹ: Từ đời Minh Mệnh về trước là xã Phú Triền 富廛. Năm 1843 kiêng chữ Triền, đổi là Phú Mỹ.

<sup>2</sup>Ngv. chỉ ghi 9 đơn vị, thiếu 1 đơn vị có lẽ chính là xã Dương Vũ.

Bông Hải, Diên Mậu có rươi (tiết rươi sinh là ngày 20 tháng 9 và ngày mồng 5 tháng 10) cũng tùy năm có nhiều hay ít. Nhưng chỉ rươi ở Yên Vệ là ngon. Xã Thiện Trạo và các xã trong tổng Bông Hải làm nghề dệt chiếu trắng. Chiếu trắng ở xã Thiện Trạo có lệ nộp thuế (cả năm 314 đôi chiếu trắng).

### **Khí hậu:**

Tháng giêng, tháng hai gió đông bắc, mưa phùn trời lạnh. Tháng 3, 4 gió đông nam, mưa rào, trời ấm dần. Tháng 5, 6 gió đông nam thổi mạnh, khí nóng bốc lên. Tháng 7, 8 gió tây bắc thổi từng trận, mưa nhiều, úng lũ. Thêm vào đó là thủy triều dâng cao, lúa má bị ngập lụt. Khoảng giao thời giữa mùa thu và mùa đông trời thường âm u, lúc tạnh lúc mưa, trời lạnh dần. Tháng 11, 12 gió bắc giá buốt, mưa lạnh. Đó là thời tiết các mùa.

Lúa thu tháng 6, 7 xuống cấy, tháng 10 thu hoạch. Lúa hè tháng 11, 12 xuống cấy, tháng 4, 5 thu hoạch. Bông, đậu, khoai, ngô, rau, dưa trồng vào tháng giêng, tháng 2, đến tháng 4, 5 thu hoạch. Đó là thời vụ làm nông. Khoảng tháng 9, tháng 10 là tiết rươi sinh (ngày 20 tháng 9 và ngày mồng 5 tháng 10), thường có mưa to bão lớn, người ta thường bị bệnh cảm sốt. Về thủy triều thì cũng như các huyện khác.

### **Sông núi:**

Trong huyện có núi Hộ Thành (núi Non Nước), núi Hôi Hạc, núi Diên Xí (Cánh Diều) ở xã Đại Đăng, đều là những núi có danh tiếng.

Núi Hộ Thành: ở khu vực thành tỉnh. Phía bắc trông xuống ngã ba sông Non Nước. Núi này xưa tên là núi Non Nước (Sơn Thủy sơn). Trương Hán Siêu người đời Trần vì yêu cảnh đẹp nơi đây đổi gọi là núi Dục Thúy, về già ông làm nhà ở tại đây. Danh nhân xưa nay qua đây đề vịnh rất nhiều, hiện còn lại chữ khắc trên vách đá. Phía bắc núi nhìn xuống sông có động. Trong động có đền thờ thần Tam Phủ. Bên eo núi có tảng đá nằm sát mặt sông, trên có khắc 3 chữ lớn *Hám giao đình* (Đình ngắm giao long). Phía tây nam núi có đền thờ thần Sơn Tinh Thủy Tinh. Trên đỉnh núi xưa có chùa Non Nước (Sơn Thủy tự), khoảng năm Gia Long đời bản triều người trong ấp chuyển chùa đến núi Cánh Diều. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) vua Minh Mệnh ngự giá Bắc tuần, nhân lên núi ngắm cảnh, ban sắc chỉ cho dựng ngôi lầu trên núi. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1841) vua Thiệu Trị ngự giá Bắc tuần, nhân lên núi ngắm cảnh, ban sắc chỉ cho đổi tên là Hộ Thành sơn (núi Hộ Thành)<sup>1</sup>, lại lệnh cho xây tường bao quanh và đắp ụ tường và chỗ đặt pháo ở trên núi. Vua Thiệu Trị lại làm thơ cho khắc vào bia và dựng nhà bia ở sườn núi.

-Núi Động Sơn: Còn gọi là *núi Hôi Hạc* (Chim hạc bay về), ở góc tây bắc thành tỉnh, gần núi Hộ Thành. Về phía tây, chân núi có chùa, lưng chừng núi có động. Trong động có khe hở người đi lọt, trên vách đá có khắc một chữ "*Xảo*" (khéo, đẹp) to khoảng 1 thước, nét bút cứng cáp cổ kính. Theo vách đá ấy mà đi lên thì thông tới *động Thiên Quang* có khắc 3 chữ "*Linh Quang động*" (động Linh Quang). Trên có toà tháp đá nhỏ bốn tầng. Trước động có chỗ hõm xuống, nước mưa đọng lại đó, tục gọi là Thiên Tỉnh (*Giếng Trời*). Trên ngọn núi phía nam có di tích *chùa Linh Quang*. Từ đây trở lên đến đỉnh núi, các phiến đá khi gõ vào đều kêu thành tiếng. Ngọn phía bắc cũng có chỗ lõm đọng nước mưa, tục gọi là Tiên Tỉnh (*Giếng Tiên*). Đi tiếp vài bước có một chỗ hơi bằng phẳng. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) vâng sắc dựng tại chỗ đó một ngôi đình hình vuông. Vòng xuống phía đông bắc cũng có một chỗ bằng phẳng, tục gọi là Tiên Thị (*Chợ Tiên*). Chân núi phía đông có một chỗ trũng, sâu khoảng 3 thước, nước đọng trong suốt thấy đáy. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) nhân ngự giá bắc tuần, vua Thiệu Trị ngắm cảnh nơi đây hồi lâu rồi bảo các quan tùy tùng rằng: "Trẫm thấy cảnh trí ở đây có phần còn đẹp hơn núi Dục Thúy, thế mà xưa nay lại ít người đề vịnh ở đây".

<sup>1</sup>Hộ Thành sơn: nhân vách núi làm tường thành phía bắc cho nên gọi là Hộ Thành sơn (núi Hộ Thành).

-Núi Diên Xí (núi Cánh Diều): Núi đá mọc lên giữa đồng bằng, trong đó có một ngọn vượt lên cao hẳn, bên trái bên phải duỗi rộng ra như hai cánh chim, cho nên gọi tên là núi Diên Xí (*Cánh Diều*). Phía đông nam sườn núi có ngôi chùa cổ. Chân núi phía đông có miếu cổ thờ thần Quang Tế. Chân núi phía bắc có ngôi chùa mới dựng. Chân núi phía tây có một chỗ thấp trũng rộng khoảng 4-5 sào, có ruộng lúa của dân tại đó. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1842) vâng sắc dựng ngôi đình vuông ở phía bắc sườn núi. Từ trên cao nhìn xuống thì núi thành đỉnh tháp, bên sông, buồm thuyền lớp lớp hiện lên đến hết tầm mắt, phong cảnh đẹp như tranh vẽ.

-Một dòng sông lớn từ ngã ba Non Nước chảy qua tổng Bông Hải đổ vào sông Đài Giang ở cửa Liêu, dài 8.100 trượng. Trong đó:

- Từ ngã ba Non Nước đến ngã ba sông Bông Hải dài 3.240 trượng, rộng 45 trượng 2 thước. Triều lên sâu 4 trượng 4 thước, triều xuống sâu 4 trượng 2 thước.
- Từ ngã ba Bông Hải (đối bờ là sông Độc Bộ tỉnh Nam Định) đến sông Đài Giang ở cửa Liêu dài 4.860 trượng, rộng 45 trượng 2 thước. Triều lên sâu 4 trượng, triều xuống sâu 3 trượng 8 thước.

-Một dòng sông nhỏ từ sông Vân Sàng chảy qua các ngã ba Yên Đãng, Vũ Lâm, Hương Du đến ngã ba Yên Phú dài 3.564 trượng. Trong đó:

- Từ ngã ba sông Vân Sàng-Non Nước đến ngã ba Yên Đãng dài 1.047 trượng, rộng 12 trượng. Nước triều lên sâu 2 trượng 5 thước, triều xuống sâu 2 trượng 3 thước.
- Từ ngã ba Yên Đãng qua Vũ Lâm, Hương Du đến ngã ba Yên Phú dài 2.517 trượng, rộng 6 trượng. Nước triều lên sâu 1 trượng 6 thước, triều xuống sâu 1 trượng 4 thước.

-Một dòng sông nhỏ từ ngã ba Yên Phú qua Thạch Lỗi, Yên Liêu, Lịch Dương đến địa phận xã Thảng Động giáp ngã ba sông xã Liên Trì huyện Yên Mô, dài 810 trượng, rộng 4 trượng. Nước triều lên sâu 5 thước, triều xuống sâu 3 thước.

-Một dòng sông nhỏ từ ngã ba Yên Phú qua Yên Bắc Lịch Dương, Phú Mỹ đến giang phận xã La Bình giáp huyện Yên Mô, dài 906 trượng 7 thước, rộng 5 trượng. Nước triều lên sâu 1 trượng 6 thước, triều xuống sâu 1 trượng 4 thước (sông này tục gọi là *sông Vạc*).

-Một dòng khe nhỏ từ chỗ giáp xã Đạm Khê huyện Yên Mô đến ngã ba Vũ Lâm dài 793 trượng, sâu 3 thước.

### **Danh thắng:**

-Chùa Động Sơn: ở chân núi phía tây Động Sơn (núi Hồi Hạc) trong thành tỉnh, nhân núi làm chùa, trên vách đá khắc ngang tượng Phật Tam Thế để thờ.

-Chùa Đại Đãng: ở chân núi phía bắc núi Cánh Diều xã Đại Đãng. Phía trước trông ra hồ Bán Nguyệt, gần đó có ngôi đình vuông. Đây là chốn danh lam trong huyện, cảnh đẹp thiên nhiên kỳ diệu.

### **Đường đi:**

-Một đường quan báo từ xã Tịch Chân đến giáp địa giới huyện Yên Mô, qua Vó Kiều<sup>1</sup> (câu Vó), Yên Kiều và cầu Ninh Bình đến thôn Phúc Am giáp giới huyện Gia Viễn, dài 2.084 trượng, rộng 1 trượng 2 thước.

-Một đường quan báo từ cầu Ninh Bình đến cầu Phúc Đãng ở thành tỉnh, dài 108 trượng, rộng 1 trượng 2 thước.

-Một đường nhỏ từ cầu Ninh Bình đến đôn Phùng Thiện tổng Bông Hải, dài 3.336 trượng, rộng 5 thước.

<sup>1</sup>Vó, chữ Nôm trong nguyên văn.

-Một đường nhỏ từ ngã ba xã Bích Đào, đi quanh đến bến đò thôn Yên Phú, dài 1.941 thước, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ cầu Phúc Đăng vòng quanh đến đường quan báo ở thôn Phúc Am, dài 144 thước, rộng 1 thước.

**Đồn báo:**

-Đồn Phùng Thiện: đặt ở xã Phùng Thiện.

**Văn từ:**

-Miếu Văn thánh: đặt ở thôn Phúc Am.

-Văn từ: đền phủ, đặt ở xã Lịch Dương, đền huyện đặt ở xã Thiện Trạo.

**Miếu nổi tiếng:**

-Miếu Trần Thái Tông: tổng Vũ Lâm phụng thờ.

-Miếu Triệu Việt vương: ở xã Tiên Yên.

-Đền Nguyễn Giác Hải: ở xã Yên Vệ.

-Đền Trương Hán Siêu: ở thôn Phúc Am.

**Đình điền, thuế lệ:**

-Dân số toàn huyện: 9.618 người.

-Ruộng công tư các hạng: 37.838 mẫu có lẻ.

-Thuế ruộng:

Nộp bằng tiền: 18.362 quan có lẻ.

Nộp bằng thóc: 37.931 hộc.

Lính giản: 934 người.

## HUYỆN YÊN MÔ

Huyện Yên Mô<sup>1</sup> là phủ thống hạt của phủ Yên Khánh.

Huyện lỵ đặt ở xã Quảng Phúc tổng Quảng Phúc, xung quanh đắp tường đất, đông tây đều dài 12 trượng, nam bắc đều dài 18 trượng, chu vi cộng chung dài 60 trượng. Tường cao 5 thước, dày 3 thước, có 1 cửa ở mặt tiền.

Huyện hạt phía đông giáp giới huyện Kim Sơn. Phía tây giáp giới huyện Phụng Hoá. Phía nam giáp giới hai huyện Nga Sơn và Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá. Phía bắc giáp giới huyện Yên Khánh.

Đông tây cách nhau 35 dặm. Nam bắc cách nhau 30 dặm.

Huyện có 9 tổng, gồm 72 xã, thôn, trang, phường, ấp, trại (trong đó có 1 phường thuỷ cơ).

**1-Tổng Yên Mô, 10 xã, thôn:**

1.Thôn Thượng xã Yên Mô

2.Thôn Càn xã Yên Mô 3.Xã Côi Trì<sup>2</sup>

4.Xã Quảng Công 5.Xã Cổ Lâm

6.Thôn Yên Tế xã Yên Tế

7.Thôn Trường Sinh xã Yên Tế

8.Xã Phụng Trì

<sup>1</sup>Huyện Yên Mô: Đời Trần về trước là đất Mô Độ 谟渡, thời thuộc Minh đặt làm huyện Yên Mô 安谟 thuộc châu Trường Yên. Đời Lê Quang Thuận cũng gọi là huyện Yên Mô, thuộc phủ Trường Yên. Từ Mạc đến đầu Nguyễn đều theo như thế. Năm Minh Mệnh 19 (1838) tách tổng Thân Phù huyện Nga Sơn thuộc Thanh Hoá nhập vào huyện Yên Mô. Nay thuộc huyện Tam Điệp tỉnh Ninh Bình.

<sup>2</sup>Xã Côi Trì: Đầu đời Tự Đức về trước là xã Thiên Trì 天池. Từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng các từ tôn quý, đổi là Côi Trì 瑰池.

9.Thôn Nội xã Lộc Động

10.Thôn Kênh Đào xã Lộc Động

**2-Tổng Bạch Liên**, 10 xã, thôn, trang:

1.Xã Bạch Liên

2.Xã Bồ Xuyên

3.Xã Trinh Nữ

4.Xã Trường Khê

5.Thôn Phác Cò xã Hoàng Trạch

6.Trang Hưng Hiền

7.Xã Mã Tiên

8.Xã Bình Hào

9.Xã An Diên

10.Thôn Hoàng Nê xã Hoàng Trạch

**3-Tổng Lạn Khê**, 9 xã, thôn:

1.Xã Lạn Khê

2.Thôn Mai và Thôn Bình Sơn xã Đới Sơn

3.Xã Liên Trì<sup>1</sup>

4.Xã Dưỡng Thiện<sup>2</sup>

5.Xã Đoài Khê

6.Xã Đạm Khê

7.Xã Còi Khê

8.Xã Hải Nham

9.Thôn Khai Khẩn

**4-Tổng Đàm Khánh**, 13 xã, thôn, trang, phường:

1.Xã Đàm Khánh

2.Xã Trà Tu

3.Xã Quảng Nạp

4.Xã Lang Ca

5.Xã Lý Nhân

6.Xã Vân Tẩu

7.Xã Hải Nạp

8.Xã Quang Hiến

9.Thôn Khả Lạc

10.Xã Vĩnh Khương

11.Pường Thủy Cơ

12.Trang Phúc Sơn

13.Thôn Đội Ninh

**5-Tổng Thổ Mật**, 6 xã, thôn, trại:

1.Xã Thổ Mật

2.Xã Hương Nại

3.Thôn Nội xã Bình Hải

4.Xã Hà Thanh

5.Trại Trung Đông

6.Thôn Ngoại xã Bình Hải

**6-Tổng Yên Vân**, 4 xã:

1.Xã Yên Vân

2.Xã Khương Thượng

3.Xã Phúc Nhac

4.Xã La Bình

**7-Tổng Quảng Phúc**, 6 xã:

1.Xã Quảng Phúc

2.Xã Tiên Hưng

3.Xã Thọ Bình

4.Xã Hưng Hiền

5.Xã Khương Dụ

6.Xã Cổ Đà

**8-Tổng Nộn Khê**, 6 xã:

1.Xã Nộn Khê

2.Xã Vĩnh Lộc

3.Xã Phúc Lộc

4.Xã Khương Giang

5.Xã Quảng Từ

6.Xã Yên Sư

**9-Tổng Thần Phù**, 8 xã, thôn, ấp, trại:

1.Xã Ngọc Lâm

2.Xã Phù Sa

3.Ấp Yên Lâm

4.Thôn Anh Tuy xã Anh Tuy

5.Xã Nhân Phẩm

6.Trại Bình Sa

7.Thôn Mai Xá

8.Thôn Đông Cao xã Anh Tuy

**Phong tục:**

Trong huyện đều là người Kinh. Kể sĩ đôn hậu chất phác mà cương nghị. Nhà nông chuộng gốc mà cần kiệm. Người làm thợ không được tinh xảo lắm, người buôn không có vốn lớn, chỉ cố cho được sản sản như nhau mà thôi. Cưới xin không cầu nệ tháng nào, nhưng phần nhiều chọn vào các tháng mùa đông. Làm đám tang, người nghèo thì để 1, 2 ngày đem chôn, người giàu có khi để cả 10 ngày mới chôn. Hết tang thì chọn đất cải táng, gọi là "cát táng". Mùa xuân tế cầu phúc. Mùa thu tế dâng cơm mới. Các lễ chúc mừng, điệu viếng trong năm cũng vừa mức hợp tình mà thôi. Người theo đạo Thiên chúa giáo khoảng tháng giêng, tháng hai hàng năm làm lễ 47 ngày, gọi là lễ "Chi Thu làm nạn"<sup>3</sup>, phàm ăn uống rượu thịt, các trò vui chơi đều phải chịu phép cấm giới. Hết mười ngày thì đến tiết gọi là "Chi Thu phục sinh". Bấy giờ mới giết thịt gia súc, cùng nhau ăn cỗ uống rượu vui vẻ. Người theo đạo lúc

<sup>1</sup>Xã Liên Trì: Đầu đời Tự Đức về trước là xã Kim Trì 金池. Từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng đồng âm tên Triệu tổ Nguyễn Kim, đổi là Liên Trì 蓮池.

<sup>2</sup>Xã Dưỡng Thiện: Đầu đời Tự Đức về trước là xã Thiên Dưỡng 天養. Từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng từ tôn quý, đổi là xã Dưỡng Thiện 養善.

<sup>3</sup>Chi Thu 支秋, cũng như Gia Tô 耶蘇, đều là cách phiên âm chữ Jésus.

sống chỉ ở một nhà, lúc chết chỉ chôn một lần<sup>1</sup>. Đó là tục riêng của dân đạo. Giáo tông tất cả có 20 xã, thôn, phường là: Hải Nham, Quảng Nạp, Vinh Khương, Quảng Công, Cổ Lâm, Bạch Liên, Yên Diên, Trường Khê, Bình Hào, Phù Sa, Mai Xá, Bình Sa, Phúc Nhạc, Yên Vân, La Bình, Liên Trì, Thiện Dưỡng, Lạn Khê, Tiên Hưng, phường thủy cơ (phường chài). Nhà thờ đạo có 4 toà ở các xã thôn Bạch Liên, Phù Sa, Yên Vân và Phúc Nhạc, nhưng chỉ nhà thờ ở Phúc Nhạc là khá to đẹp.

### **Sản vật:**

Trong huyện lúa hè ít, lúa thu nhiều. Bông, đậu, ngô, khoai, dậu thì các xã thôn đều có, nhưng không nhiều mấy. Riêng Đàm Khê, Côi Khê là hai xã vùng núi có hoa cúc núi, có lệ nộp cống, nhưng nhiều ít tùy năm.

### **Khí hậu:**

Tháng giêng, tháng hai gió đông bắc, mưa nhỏ hơi lạnh. Tháng 3, 4 gió đông nam, mưa rào, trời ẩm dần. Tháng 5, 6 gió nam thổi mạnh, khí nóng bốc lên. Tháng 7, 8 gió tây bắc thổi từng trận, có khi mưa nhiều thành lụt, lại thêm thủy triều dâng cao, lúa má bị ngập lụt. Giao thời giữa mùa thu và mùa đông trời thường âm u, lúc nắng lúc tạnh lúc mưa, thời tiết lạnh dần. Tháng 11, 12 gió bắc giá rét, có khi có mưa đá. Đó là thời tiết bốn mùa.

Lúa thu cấy vào tháng 6, 7, tháng 10 thu hoạch. Lúa hè cấy vào tháng 11, 12, tháng 4, 5 năm sau thu hoạch. Bông, khoai, ngô, đậu, dậu trồng tria vào tháng giêng, tháng hai, thu hoạch vào tháng 5. Đó là thời vụ nhà nông. Khoảng tháng 10 có tiết rươi sinh (ngày 20 tháng 9 và ngày 5 tháng 10 đó là tiết rươi sinh), thường có mưa to gió lớn, người ta thường hay mắc các chứng cảm sốt, khi nóng khi lạnh. Vùng có khí lam chướng là các xã, thôn, trang: Lý Nhân, Vinh Khương, Phúc Sơn, Đội Ninh, Khả Lạc. Các xã thôn còn lại thì địa thế đều là ẩm thấp. Tháng 4, 5 hơi nóng bốc lên ngột ngạt, dân thường hay đau ốm.

### **Núi sông:**

Trong huyện nhiều núi. Những núi có tên như núi Thiện Dưỡng ở xã Thiện Dưỡng, núi Hải Nham ở xã Hải Nham, núi Khổng Cú ở xã Đàm Khánh, núi Ngọc Thổ ở xã Bồ Xuyên, núi Bảng Sơn ở xã Yên Mô, núi Xa Triệt ở xã Phụng Trì.

Núi Thiện Dưỡng: Thế núi cao đẹp dáng tròn, lên cao nhìn ra xung quanh thấy các núi khác đều nhỏ. Đá núi màu xanh đậm, mài kỹ thì bóng mịn, người ta thường lấy để làm nghiên mực. Sử nhà Minh chép: "An Nam có 21 ngọn núi có tiếng, đầu năm Hồng Vũ (1368) xếp vào hạng danh sơn được bày tên ở đàn tế Giao. Năm thứ 3 (1370) sai quan đến tận nơi làm lễ tế, vẽ lại hình thế đem về". Núi Thiện Dưỡng là một trong những núi đó.

Núi Hải Nham: *An Nam chí lược* chép là núi Vũ Lâm ở xã Hải Nham.

Núi Khổng Cầu: ở xã Đàm Khánh. Hai bên là hai núi đá dựng đứng, liền sát nhau trông như 1 cây cầu đá tự nhiên. Đường quan lộ đi ngang giữa núi. Đá trắng gập ghềnh như hình đầu cá, *Địa dư chí* của Lê Quang Định<sup>2</sup> chép núi Khổng Cầu ở chỗ cửa núi giống như cái lờ đơm cá, tục gọi miệng lờ của su Không Lộ, tức là chỗ này.

Núi Ngọc Thổ: Trong núi có một đường hang, người ta có thể đi qua được. Trên đỉnh núi có tảng đá trông như một con thỏ cúi xuống bên bờ sông, cho nên có tên như vậy. Thời Lê Cảnh Hưng (1740-1786) do núi ở gần cảng nên có người đã khắc 3 chữ "Ngọc Thổ cảng" ở sườn núi.

Núi Bảng Sơn: Hình núi trông xa giống như một cái bảng, cho nên đặt là như vậy. Núi có chia ra một nhánh nhỏ, gọi là núi Mạo Sơn.

<sup>1</sup>Tức không cải táng.

<sup>2</sup>Tức sách *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* của Lê Quang Định.

Núi Xa Triệt: Hình núi có 6 gờ, trông như những vết xe đi, cho nên gọi tên là núi "xa triệt" (vết bánh xe). Lên cao nhìn xuống thấy các núi khác đều chạy về phía nam, chỉ riêng núi này vọt lên cao ở chính giữa, cảnh sắc tươi đẹp hiếm có. Từ ngoài biển nhìn vào thường lấy núi này làm mốc định hướng. Dưới núi là thái ấp của công thần nhà Lê là Lê Niệm Thái, dân địa phương có dựng đền thờ, có bia khắc ở vách núi.

**Sông:**

-Một dòng sông nhỏ từ ngã ba Liên Trì qua ngã ba Trinh Nữ, Bồ Xuyên đến xã Nhân Phẩm tổng Thần Phù giáp trang Chính Đại tỉnh Thanh Hoá, dài 4.047 trượng, rộng 5 trượng, sâu xấp xỉ 6 thước.

-Một dòng sông nhỏ từ ngã ba Trinh Nữ qua sông Hồ (Hồ Hà) đến sông Càn Giang giáp xóm Tuy Lộc huyện Kim Sơn dài 1.240 trượng, rộng 4 trượng, sâu 4 thước.

-Một dòng sông nhỏ từ ngã ba Quang Hiến qua cầu Lý Nhân đến ngã ba Liên Trì, dài 3.203 trượng, rộng 5 thước, sâu 2 thước 5 tấc.

-Một con suối nhỏ từ ngã ba Quang Hiến đến xã Đam Khê giáp giới huyện Yên Khánh, dài 900 trượng, rộng khoảng 3 trượng, sâu 2 thước 5 tấc.

-Một con suối từ ngã ba Yên Diên đến ngã ba xã Bồ Xuyên, dài 998 trượng, rộng 3 trượng, sâu 2 thước 5 tấc.

-Một con sông nhỏ từ xã La Bình đến Thỏ Mật giáp trại Ninh Dật huyện Kim Sơn, dài 1.804 trượng, rộng 8 trượng. Triều lên sâu 1 trượng 5 thước, nước triều xuống sâu 1 trượng 3 thước.

#### **Danh thắng:**

Trong huyện hạt chỉ có chùa núi Bích Động xã Đam Khê là danh thắng. Trong núi có động, nhũ đá nhấp nhô, soi đuốc thấy sáng lấp lánh như pha lê. Ngoài cửa động có 2 núi nhỏ dựng đứng đối nhau, gọi là núi Tam Quan. Người đi núi phải qua đây mới vào được trong động. Khoảng niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705-1719) có 2 nhà sư là Trí Kiên và Trí Thử đến tu tạo 3 ngôi chùa Thượng, Trung, Hạ ở trong động, trên vách đá khắc hai chữ Bích Động, nay vẫn còn. Phía đông nam là núi Hải Nham, trong núi có động Xuyên Thủy có thể đi lọt một chiếc thuyền nhỏ, cho nên còn gọi là bến đò Thạch Lương (Câu Đá).

#### **Đường đi:**

-Một đường quan báo từ sơn phận hai xã Lý Nhân, Trà Tu giáp núi Tam Điệp đến giáp giới huyện Yên Khánh, dài 2.598 trượng, rộng từ 1 đến 3 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam đến xã Nhân Phẩm, giáp giới tỉnh Thanh Hóa, dài 2.087 trượng, rộng từ 5 thước đến xấp xỉ 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông đến xã Phúc Nhạc, giáp giới huyện Yên Khánh, dài 2.383 trượng, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây đến đường cầu Nhân Lý trên đường quan báo, dài 1.905 trượng, rộng 4 thước.

#### **Đôn lỵ:**

Đôn Nhân Lý: đặt ở xã Nhân Lý.

#### **Văn từ:**

Đền huyện đặt ở thôn Thượng xã Yên Mô.

#### **Miếu có tên:**

Miếu hai vua Giản Định, Trùng Quang nhà Trần: ở xã Bồ Xuyên, dân sở tại phụng thờ.

Miếu Trần Thái Tông: Dân 2 xã Yên Mô, Trường Khê phụng thờ.

Miếu Triệu Việt vương: xã Quảng Từ phụng thờ.

Đền Ấp Lăng Chân nhân: tổng Thần Phù phụng thờ.

Đền Trần Thái sư: xã Trà Tu phụng thờ.

Đền Lương Quận công: xã Đàm Khánh phụng thờ.

Đền thờ 4 vị thần Nam Hải: thôn Càn xã Yên Mô phụng thờ.

Đền Công chúa Liễu Hạnh: xã Lý Nhân phụng thờ.

### **Thuế lệ đình điền:**

Nhân đinh các hạng: 7.819 người.

Ruộng đất công tư các hạng: 29.430 mẫu có lẽ.

Thuế các hạng cả năm:

-Nộp bằng tiền: 15.272 quan có lẽ.

-Nộp bằng thóc: 22.447 hộc.

Lính giã: 780 người.

## HUYỆN GIA VIỄN

Gia Viễn<sup>1</sup> là huyện do phủ Yên Khánh thống hạt. Huyện lỵ đặt tại xã Đới Nhân tổng Đa Giá, xung quanh xây tường đất, đông tây đều dài 14 trượng, nam bắc dài 14 trượng 1 thước, chu vi 56 trượng 2 thước. Tường đất cao 5 thước, trên rộng 3 thước, dưới rộng 6 thước, bên ngoài trồng tre gai làm thành lũy tre dây tốt. Có 1 cửa trước.

Phủ hạt phía đông giáp hai huyện Ý Yên và Phong Doanh tỉnh Nam Định. Phía tây giáp hai huyện Yên Hoá và Phụng Hoá phủ Nho Quan. Phía bắc giáp huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội. Phía nam giáp huyện Yên Khánh.

Đông tây cách nhau 32 dặm. Nam bắc cách nhau 21 dặm.

Huyện có 12 tổng, gồm 91 xã, thôn, trang, trại, phường (trong đó có 12 phường chài).

### **1-Tổng Đa Giá**, 6 xã, trang:

1.Xã Đa Giá Hạ	2.Xã Đới Nhân	3.Xã Cam Giá	4.Xã Phú Gia
5.Xã Lực Giá	6.Trang Kiềm Đa		

### **2-Tổng La Mai**, 7 xã, trang, phường:

1.Xã La Mai	2.Xã La Hộ	3.Xã La Vân <sup>2</sup>	4.Trang Bãi Trữ
5.Xã Bạch Cừ	6.Xã Trung Trữ	7.Pường Cam Giá	

### **3-Tổng Kỳ Vĩ**, xã:

1.Xã Kỳ Vĩ	2.Xã Hương Áng	3.Xã Hoàng Sơn	4.Xã Phúc Sơn
5.Xã Dưỡng Khê	6.Xã Giá Hộ	7.Xã Giá Phú	

<sup>1</sup>Huyện Gia Viễn: Theo ĐNNTC, huyện Gia Viễn từ đời Trần về trước là đất 2 huyện Uy Viễn 威遠 và Lê Gia 黎家. Thời thuộc Minh đổi huyện Lê Gia làm huyện Lê Bình 黎平, sau bỏ huyện Uy Viễn, đặt huyện Lê Bình thuộc châu Trường Yên. Đời Lê Quang Thuận (1469) định các phủ châu huyện trong nước, hợp hai huyện Uy Viễn và Lê Gia làm huyện Gia Viễn 嘉遠縣. Các triều sau đều theo như thế. Nay là huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.

<sup>2</sup>Xã La Vân: Đầu đời Tự Đức về trước là xã La Cầu 羅求. Từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng chữ Cầu 求 (tên húy của mẹ Định vương Nguyễn Phúc Thuận), đổi là La Vân 羅雲.

**4-Tổng Trường Yên**, 5 xã:

- |                        |                    |                |
|------------------------|--------------------|----------------|
| 1.Xã Trường Yên Thượng | 2.Xã Trường Yên Hạ | 3.Xã Chi Phong |
| 4.Xã Yên Thành         | 5.Xã Yên Trạch     |                |

**5-Tổng Tri Hối**, 8 xã, phường:

- |                |               |                   |                  |
|----------------|---------------|-------------------|------------------|
| 1.Xã Tri Hối   | 2.Xã Tuy Hối  | 3.Xã Thiện Hối    | 4.Xã Thân Thiệu  |
| 5.Xã Gián Khẩu | 6.Xã Lãng Vân | 7.Phường Cung Quế | 8.Phường Tuy Hối |

**6-Tổng Đại Hữu<sup>1</sup>**, 5 xã, phường:

- |                           |                 |                     |               |
|---------------------------|-----------------|---------------------|---------------|
| 1.Xã Đại Hữu <sup>2</sup> | 2.Xã Diêm Giang | 3.Phường Diêm Giang | 4.Xã Vân Long |
| 5.Xã Diêm Xá              |                 |                     |               |

**7-Tổng Lê Xá**, 11 xã, thôn, trang, trại, phường:

- |                  |                   |                    |                |
|------------------|-------------------|--------------------|----------------|
| 1.Xã Lê Xá       | 2.Xã Lạc Khoái    | 3.Xã Sinh Dực      | 4.Xã Ngọc Động |
| 5.Trại Độc Trang | 6.Thôn Yên Xá     | 7.Xã Đông Khê      | 8.Xã Trà Đĩnh  |
| 9.Xã Chính Đón   | 10.Trang Xuân Trì | 11.Phường Tĩnh Khê |                |

**8-Tổng Liên Đăng<sup>3</sup>**, 9 xã, phường:

- |                             |                |                |               |
|-----------------------------|----------------|----------------|---------------|
| 1.Xã Liên Đăng <sup>4</sup> | 2.Xã Đoan Bình | 3.Xã Trinh Phú | 4.Xã Ngô Đồng |
| 5.Phường Chân Mỹ            | 6.Xã Thân Lũy  | 7.Xã Chân Mỹ   | 8.Xã Bô Đình  |
| 9.Phường Liên Đăng          |                |                |               |

**9-Tổng Quan Vinh**, 6 xã:

- |                |                |              |              |
|----------------|----------------|--------------|--------------|
| 1.Xã Quan Vinh | 2.Xã Ngô Khê   | 3.Xã Áng Sơn | 4.Xã Áng Ngũ |
| 5.Xã Đại Áng   | 6.Xã Thanh Khê |              |              |

**10-Tổng Uy Viễn**, 11 xã, phường:

- |               |                     |                    |                  |
|---------------|---------------------|--------------------|------------------|
| 1.Xã Uy Viễn  | 2.Xã Uy Tế          | 3.Xã Mai Hương     | 4.Xã Ngọc Nhụy   |
| 5.Xã Bích Sơn | 6.Xã Giá Sơn        | 7.Xã Tạ Đường      | 8.Xã Hoàng Quyển |
| 9.Xã Vô Giá   | 10.Phường Mai Hương | 11.Phường Xích Thổ |                  |

**11-Tổng Vân Cái**, 9 xã, phường:

- |                        |              |                    |              |
|------------------------|--------------|--------------------|--------------|
| 1.Xã Vân Cái           | 2.Xã Bái Ân  | 3.Xã Đông Lạc      | 4.Xã Yên Chỉ |
| 5.Xã Hữu Thường        | 6.Xã Lỗi Sơn | 7.Xã Sơn Dực       |              |
| 8.Phường Bái Ân Thượng |              | 9.Phường Bái Ân Hạ |              |

**12-Tổng Thanh Quyết**, 7 xã, thôn, phường:

- |                  |                 |                      |                |
|------------------|-----------------|----------------------|----------------|
| 1.Xã Thanh Quyết | 2.Xã Sơn Quyết  | 3.Xã Trà Lai         | 4.Xã Địch Lộng |
| 5.Xã Cung Quế    | 6.Thôn Trì Động | 7.Phường Thanh Quyết |                |

**Phong tục:**

Dân trong huyện đều là người Kinh, làm các nghề nông, đánh cá, kiếm củi không giống nhau. Kẻ sĩ chuộng khí tiết mà chất phác, nhà nông chăm giữ nghề gốc mà cần kiệm. Phụ nữ chăm dâu tằm canh củi, nhưng đều chỉ dệt được loại vải lụa thô. Người nghèo thì hái củi kiếm sống. Các phường thủy cơ (phường chài) làm nghề chài lưới. Các việc cưới xin, tang ma cùng là đồ dùng ăn mặc đều đơn giản tiết kiệm. Đại thể đó là phong tục chung của toàn huyện.

<sup>1</sup>Xem chú sất dưới.

<sup>2</sup>Tổng và xã Đại Hữu: Đầu đời Tự Đức về trước là tổng và xã Đại Hoàng 大黃, đời Tự Đức đổi là Đại Hữu 大有.

<sup>3</sup>Xem chú sất dưới.

<sup>4</sup>Tổng và xã Liên Đăng: Đầu đời Minh Mệnh về trước là tổng và xã Viên Đăng 員當. Từ năm Minh Mệnh 6 (1826) kiêng đồng âm chữ Đăng (tên húy Thuận Thiên Cao Hoàng hậu Trần Thị Ngọc Đăng, mẹ vua Minh Mệnh), đổi là tổng và xã Liên Đăng 聯登.

Trong huyện, theo đạo Thiên chúa giáo giám tông: xã Đại Hữu, phường Diêm Giang, xã Trinh Phú, xã Bồ Đình, phường Chân Mỹ, phường Liên Đăng, xã Hoàng Quyển, phường Xích Thổ, phường Mai Hương, phường Bái Ân Thượng, phường Bái Ân Hạ, phường Tinh Khê, phường Lãng Vân, phường Tuy Hối, phường Cung Quế, xã Thanh Quyết, phường Thanh Quyết. Toàn tông: xã La Vân, xã Áng Sơn, phường Cam Giá, tất cả 20 xã, phường.

#### **Sản vật:**

Địa thế ảm thấp, nhiều năm lụt lội. Lúa hè nhiều, lúa thu không có mấy. Trong đó có vài nơi đồng điền hơi cao một chút nhưng cũng chỉ trồng được khoai, ngô, rau, dưa mà thôi. Riêng 12 phường chài ở trên sông nước thường chuyên đánh bắt cá chép. Ngày trước thì còn có rươi (vào ngày 20 tháng 9, mồng 5 tháng 10 là tiết rươi sinh), nhưng từ khi có huyện Kim Sơn đến nay, bờ biển ngày một ra xa, nước ruộng chua lạnh, cho nên sản vật đáng kể chỉ còn có cá chép mà thôi.

#### **Khí hậu:**

Cũng như khí hậu huyện Yên Khánh. Duy hàng năm vào các tháng hè phần lớn có mưa, nước ở thượng nguồn chảy về không lưu thông được, lúa má phần nhiều bị tổn hại. Khoảng tháng 8, 9 mưa nhiều, có khi bị lụt lớn, dân phải gác cây làm sàn mà ở, nhà nọ sang nhà kia phải đi bằng thuyền. Đến tháng 10 nước rút ra biển mới cày cấy được. Đại khái đó là khí hậu chung toàn huyện.

#### **Núi sông:**

Trong huyện có nhiều núi. Kể các núi có tên thì có núi Địch Lộng, núi Kẽm Trống ở xã Địch Lộng, động Hoa Lư ở xã Uy Viễn, động Thổ Tích ở xã Vân Cái, động Xuyên Thủy, núi Mã Yên, núi Hoàn Kỳ ở xã Trường Yên, núi Đa Giá ở xã Đa Giá.

-Núi Địch Lộng: Trong núi có động Nham Sơn, có 3 cửa vào. Trong động màu đá lung linh trong suốt như pha lê. Bên trên tầng đá có vũng lõm, nước không bao giờ khô cạn. Giữa có tảng đá bên ngoài có hình vẩy cá trong giống như con cá chép. Hai bên la liệt các phiến đá trông như những tấm bình phong, gõ vào thì phát ra tiếng kêu như tiếng chuông tiếng khánh. Thạch nhũ rủ xuống có chỗ trông như chiếc cột treo, có chỗ như hình vòi voi, có chỗ như hình ống, đặc biệt có một cái hang sâu âm u, nhìn không thấy đáy, không ai dám vào. Ở cửa động phía tây có ngôi chùa.

Núi Kẽm Trống: Trông xuống sông Hát Giang. Đối bờ là vùng núi xã Động Xuyên huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội. Núi mọc sát nhau, nước chảy qua ở giữa, tục gọi là *Kẽm Trống*.

Động Hoa Lư: Xung quanh núi đá dàn ra la liệt, ở giữa có một khoảng đất bằng chừng 2 mẫu, có khe nhỏ từ trong động chảy ra. Khe chảy qua thôn Sào Long xã Tri Hối, cho nên cũng gọi là khe Sào Long, đổ xuống hạ lưu sông Hoàng Long tức là quê hương thời niên thiếu của Đinh Tiên Hoàng. Nay trong động còn miếu thờ.

Động Thổ Tích: Động ở bên sườn núi, bên trong động lại chia làm 2 tầng. Tầng động trước có khe hở, có ánh nắng rọi xuống. Tầng động sau rất tối, phải đốt đuốc mới biết lối mà vào. Động rộng có thể chứa được vài trăm người. Nước trong hang động nhỏ xuống ngưng kết thành thạch nhũ lung linh kỳ thú.

Động Xuyên Thủy: Tục gọi là *Hang Luôn*. Có ngôi chùa dựng ngang trên gò đá, hang động ở phía dưới có dòng nước chảy qua, thuyền bè nhỏ có thể qua được, cảnh trí rất đẹp. Nhà địa lý phong thủy gọi chỗ này là động *Cầu Đá* (Thạch Lương động). Bên cạnh có ngọn núi nhỏ trông giống hình người, tục gọi là ngọn *Trạng Nguyên*. Đối diện với nó là một ngọn núi có những phiến đá chồng xếp lên nhau trông giống cái giá sách, tục gọi là ngọn *Hòm Sách* (Thư Hàm phong).

Núi Mã Yên (núi Yên Ngựa): Hình núi trông giống cái yên ngựa nên gọi tên như vậy. Trên núi có lăng vua Đinh [Tiên Hoàng].

Núi Hoàn Kỳ: tức núi Kim Kê (Gà Vàng). Thế núi liền nhau một giải nên gọi núi Hoàn Kỳ. Chân núi phía bắc có Lăng vua Lê [Đại Hành].

Núi Đa Giá: Vách núi hiểm trở nhiều hang vách.

Một sông lớn từ đôn Ninh Cường huyện Yên Hoá qua bến đò Khả Luật đến ngã ba Kênh Gà. Sông này tính về huyện Gia Viễn, nhưng đất đai thuộc huyện Yên Hoá. Độ dài, rộng ghi ở bản đồ huyện Yên Hoá<sup>1</sup>.

Một sông lớn từ bến đò phủ Nho Quan qua ngã ba Đồng Đình đến ngã ba Kênh Gà. Sông này tính về huyện Gia Viễn, nhưng đất đai thuộc huyện Phụng Hoá. Độ dài, rộng, ghi ở bản đồ huyện Phụng Hoá<sup>2</sup>.

Một sông lớn từ ngã ba Kênh Gà qua sông Trường Yên ở Đại Hoàng đến ngã ba Gián Khẩu, dài 3.636 trượng. Trong đó:

- Đoạn sông từ Kênh Gà đến sông Trường Yên dài 2.426 trượng, rộng 40 trượng. Triều lên sâu 1 trượng 8 thước, triều xuống sâu 1 trượng 5 thước.
- Đoạn từ sông Trường Yên đến ngã ba Gián Khẩu dài 1.210 trượng, rộng 30 trượng. Triều lên sâu 1 trượng, triều xuống sâu 8 thước.

Một sông lớn từ sông Thanh Quyết đến giáp giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội, qua Gián Khẩu đến ngã ba Non Nước dài 4.409 trượng. Trong đó:

- Đoạn từ sông Thanh Quyết đến ngã ba Gián Khẩu dài 2.520 trượng, rộng 40 trượng. Triều lên sâu 4 trượng, triều xuống sâu 3 trượng 8 thước.
- Đoạn từ ngã ba Gián Khẩu đến ngã ba Non Nước dài 1.889 trượng, rộng 130 trượng. Triều lên sâu 2 trượng, triều xuống sâu 1 trượng.

Một sông nhỏ từ ngã ba Đồng Đình, qua các tổng Vân Cái, Lê Xá đến ngã ba Lạc Khoái, dài 2.671 trượng. Trong đó:

- Đoạn sông từ tổng Vân Cái đến tổng Lê Xá dài 1.471 trượng, rộng 10 trượng. Triều lên sâu 5 thước, triều xuống sâu 3 thước.
- Đoạn sông từ tổng Lê Xá đến ngã ba Khoái Lạc dài 1.200 trượng, rộng 25 trượng. Triều lên sâu 1 trượng 2 thước, triều xuống sâu 1 trượng.

Một dòng khe nhỏ từ xã Giá Sơn đến ngã ba Liên Đăng dài 990 trượng, rộng 7 trượng. Triều lên sâu 5 thước, triều xuống sâu 3 thước.

Một dòng khe nhỏ gọi là khe Hoàng Long (Rồng Vàng) từ sông Trường Yên qua động Xuyên Thủy đến xã Hương Áng hợp lưu với khe Chiềng<sup>3</sup>, dài 1.400 trượng, rộng 4 trượng. Triều lên sâu 4 thước, triều xuống sâu 2 thước.

Một dòng khe nhỏ gọi là khe Chiềng từ giáp giới tổng La Mai qua tổng Kỳ Vĩ đến giáp xã Cổ Loan huyện Yên Khánh, dài 2.314 trượng, rộng 3 trượng. Triều lên sâu 4 thước, triều xuống sâu 2 thước.

Một khe nhỏ (do bị lấp tắc, thuyền không đi qua được) từ xã Hoàng Quyển tổng Uy Viễn chảy xuống xã Địch Lộng, dài 1.800 trượng, rộng 3 trượng. Triều lên sâu 3 thước, triều xuống sâu 1 thước.

### **Danh thắng:**

-Chùa Cổ Am: Trong huyện hạt, ở phía tây động Nham Sơn xã Địch Lộng có ngôi chùa nhân theo vách núi mà dựng, hợp cảnh tự nhiên. Đời bản triều, năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) vua ngự giá Bắc tuần có lên núi ngắm cảnh chùa. Năm thứ 3 (1822) ban cho chùa 4 pho tượng Phật thép vàng và 50 lạng

<sup>1</sup>Trên bản đồ huyện Yên Hoá ghi sông này dài 3.000 trượng, rộng 30 trượng.

<sup>2</sup>Trên bản đồ huyện Phụng Hoá ghi sông này dài 2.636 trượng, rộng 24 trượng.

<sup>3</sup>Khe Chiềng, chữ Nôm trong nguyên văn: 柩.

bạc. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) vua ngự giá Bắc tuần, sai quan giữ thành<sup>1</sup> vẽ bản đồ dâng lên vua ngự lãm, ban cho 100 quan tiền.

**Đường đi:**

- Một đường quan báo từ xã Cam Giá đến bến đò Thanh Quyết, dài 2.695 trượng, rộng 8 thước.
- Một đường quan báo từ trạm Ninh Đa đến bến đò La Mai, thông đến tỉnh Nam Định, dài 280 trượng rộng 5 thước.
- Một đường nhỏ từ xã Gián Khẩu giáp đường quan báo đến bến đò Ngô Đông, dài 3.200 trượng, rộng 4 thước.

**Văn từ:** đền huyện đặt ở xã Đa Giá.

**Danh miếu:**

- Miếu vua Đinh Tiên Hoàng: xã Trường Yên Thượng phụng thờ.
- Miếu vua Lê Đại Hành: xã Trường Yên Hạ phụng thờ.
- Đền Nguyễn Minh Không: 2 xã Diêm Giang, Diêm Xá phụng thờ.
- Đền thần An Quốc: xã Đa Giá phụng thờ.
- Đền thần Quảng Uyên: xã Chi Phong phụng thờ.

**Đình điền thuế lệ:**

Nhân số toàn huyện: 3.873 người.

Ruộng đất công tư các hạng: 38.352 mẫu có lẽ.

Thuế các hạng cả năm:

- Nộp bằng tiền: 12.834 quan có lẽ.
- Nộp bằng thóc: 28.148 hộc có lẽ.

Tuyển lính: 310 người.

## HUYỆN KIM SƠN

Kim Sơn<sup>2</sup> là huyện do phủ Yên Khánh thống hạt. Huyện lỵ đặt tại xóm Quy Hậu tổng Quy Hậu. Chung quanh đắp tường đất, hai chiều nam bắc mỗi chiều đều dài 15 trượng 7 thước, hai chiều đông tây đều dài 17 trượng. Chu vi 65 trượng 4 thước, cao 5 thước, dây 1 trượng, bốn mặt đều có hào rộng 1 trượng, sâu 3 thước 3 tấc.

Huyện hạt phía đông giáp biển, phía tây giáp huyện Yên Mô, phía nam giáp huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp huyện Yên Khánh.

Đông tây cách nhau 14 dặm. Nam bắc cách nhau 36 dặm.

Huyện có 7 tổng gồm 63 lý (xóm), ấp, trại, giáp, phường (trong đó có 1 phường thủy cơ).

**1-Tổng Chất Thành**, 15 lý (xóm), ấp, trại, giáp:

- |                  |                    |                    |                  |
|------------------|--------------------|--------------------|------------------|
| 1.Xóm Chất Thành | 2.Ấp Quyết Bình    | 3.Trại Cách Tâm    | 4.Trại Huệ Dịch  |
| 5.Giáp Lưu Thanh | 6.Giáp Như Đăng    | 7.Trại Năng An     | 8.Trại Xuân Hồi  |
| 9.Giáp Thành Đức | 10.Trại Cộng Nhuận | 11.Trại Quân Triêm | 12.Trại Mông Hưu |

<sup>1</sup>Tức quan tỉnh Ninh Bình.

<sup>2</sup>Huyện Kim Sơn: Vùng đất ven biển phía đông nam tỉnh Ninh Bình, Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ cho di dân đến khai hoang lập ấp, từ năm Minh Mệnh 10 (1829) vua cho lập thành huyện mới gọi là huyện Kim Sơn 金山縣. Nay vẫn là huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình.

13.Trại Dũng Thuý 14.Trại Hàm Phu 15.Trại Chỉ Thiện

**2-Tổng Hôi Thuần**, 12 ấp, trại, giáp, phường, vạn:

1.Ấp Hôi Thuần	2.Ấp Tức Hiều	3.Trại Tuân Hoá	4.Giáp Hy Nhiên
5.Trại Định Hương	6.Vạn Trực Độ	7.Ấp Dục Đức	8.Trại Đồng Nhân
9.Trại Dĩ Ninh	10.Ấp Dưỡng Diêm	11.Trại Đạo Cự	12.Pường Thuỷ Cơ

**3-Tổng Quy Hậu**, 10 lý (xóm), ấp:

1.Xóm Quy Hậu	2.Ấp Tôn Đạo	3.Ấp Chí Tĩnh	4.Ấp Như Độ
5.Ấp Hoà Lạc	6.Ấp Khiết Kỷ	7.Trại Hiếu Nghĩa	8.Trại Tuân Lễ
9.Giáp Hàm Ân	10.Ấp Duy Hoà		

**4-Tổng Hương Đạo**, 9 lý (xóm), ấp, trại:

1.Xóm Hương Đạo	2.Ấp Kiến Thái	3.Trại Trung Quy	4.Ấp Lạc Thiện
5.Trại Thủ Trung	6.Trại Phúc Diêm	7.Trại Bảo Quang	8.Ấp Đồng Đắc
9.Ấp Ứng Luật			

**5-Tổng Tự Tân**, 9 ấp, trại:

1.Ấp Tự Tân	2.Ấp Phu Vinh	3.Ấp Lưu Hương	4.Ấp Thượng Kiệm
5.Trại An Thổ	6.Ấp Phát Diệm	7.Ấp Trì Chính	8.Trại Mật Như
9.Trại Ninh Dật			

**6-Tổng Tuy Lộc**, 6 xóm (lý), ấp:

1.Xóm Tuy Lộc	2.Ấp An Thành	3.Ấp Văn Hải	4.Ấp Yên Bình
5.Ấp Yên Hoà	6.Trại Tuy Định		

**7-Tổng Lai Thành**, 3 ấp:

1.Ấp Lai Thành	2.Ấp Hoài Lai	3.Ấp Tuy Lai
----------------	---------------	--------------

**Phong tục:**

Kẻ sĩ chuộng văn học mà tiết kiệm. Nhà nông chăm cấy trồng nhưng lại xa hoa. Nghề thợ không tinh xảo lắm. Buôn bán thì không có thuyền buồm to lớn, chỉ có những thuyền nan nhỏ bé chèo đi buôn bán trong huyện mà thôi. Cưới hỏi phân nhiều vào các tháng mùa đông. Đám tang thường để 3-4 ngày mới chôn, nhưng chỉ là chôn tạm (hung táng). Sau 3 năm chọn thế đất tốt cải táng, gọi là cát táng. Đầu xuân làm lễ cầu phúc, khao lão. Giữa thu (tháng 8) làm lễ tế thu. Tháng 9 lúa chín làm lễ thường tân (cúng cơm mới). Các lễ chúc mừng, điếu viếng trong năm thì cũng như các huyện khác. Riêng dân theo đạo Thiên chúa giáo thì vào tháng 1, 2 hàng năm, trong khoảng 47 ngày gọi là "tiết Chi Thu Thiên chúa giáo lâm nạn". Những ngày này phàm các thức như rượu, thịt, các trò vui chơi đều phải kiêng. Đến ngày thứ 47 gọi là "Chi Thu phục sinh" (Gia Tô phục sinh). Đến hết ngày hôm ấy mới giết lợn làm cỗ bàn ăn uống chúc mừng nhau. Đó là chỗ khác nhau về phong tục giữa bên lương và bên đạo. Trong huyện theo Thiên chúa giáo giáo dân: Quan Triêm, Quyết Bình, Hàm Phu, Mông Hưu, Năng An, Dũng Thuý, Thành Đức, Huệ Dịch, Xuân Hôi, Cộng Nhuận, Cách Tâm, Lưu Thanh, Dưỡng Diêm, Dĩ Ninh, Đồng Nhân, Tuân Hoá, Dục Đức, Hôi Thuần, Tự Tân, Phu Vinh, Lưu Hương, Trì Chính, Lai Thành, Tuy Lai, Hoài Lai, Hương Đạo, Ứng Luật, Kiến Thái, Quy Hậu, Tuân Đạo, Hiếu Nghĩa, Duy Hoà, Khiết Dĩ, Hàm Ân, Hoà Lạc, Chí Tĩnh. Các nơi theo Thiên chúa giáo toàn tông: Đạo Cự, Phát Diệm, Như Đăng, Hy Nhiên. Tất cả 41 xóm (lý), ấp, trại, giáp. Có 5 nhà thờ đạo ở Phát Diệm, Cách Tâm, Dưỡng Diêm, Hương Đạo, Tuân Đạo, nhưng nhà thờ Phát Diệm là to đẹp hơn cả.

**Sản vật:**

Trong huyện đều cấy lúa thu. Những nơi chân ruộng hơi cao, rải rác cũng có chỗ trồng dâu, khoai, đạo mạch. Ruộng bùn vùng gần biển phân nhiều trồng cây cói. Các sản vật vùng biển có vệt, lươn,

tôm, cua và rươi (ngày 20 tháng 9 và ngày 5 tháng 10 khi nước thủy triều tràn vào đồng ruộng thì rươi từ dưới đất chui lên, người ta đặt túi vải ở dưới dòng nước để hứng bắt, nhưng nhiều ít tùy từng năm).

#### **Khí hậu:**

Tháng giêng, hai gió đông bắc, mưa dầm, trời lạnh. Tháng 3, 4 gió đông nam, có khi mưa rào, nước sông lúc này ngọt dần có thể uống được. Tháng 5, 6 gió nam thổi mạnh, trời nắng nóng. Tháng 7, 8 thường có gió tây nam, mưa rào gió trận, cũng có khi mưa dầm, nước dồn thành úng lụt, nhưng do gần biển nên chóng tiêu úng. Cũng có khi thủy triều dâng mạnh, đồng ruộng lúa má bị thiệt hại. Giao thời giữa mùa thu và đông trời thường âm u, lúc mưa lúc tạnh. Lúc này nước lũ ngập bằng mặt nước biển, hải triều dâng tràn làm cho nước bị chua không uống được, các nơi ven biển phải đắp đê ngăn nước mặn. Ngày 20 tháng 9 và ngày 5 tháng 10 nước sông dâng lên, đó là tiết rươi sinh (hai ngày này thường có mưa, tục gọi là *nước rươi*, *mưa rươi*). Tháng 11, 12 gió bắc rét buốt, đất lạnh như đóng băng, lúc này thường có mưa tuyết. Khí hậu hàng năm nóng lạnh đại khái như vậy. Thời vụ làm nông thì trong huyện đều là ruộng lúa thu, vùng gần biển xuống cấy vào tháng 4, 5, đến tháng 8, 9 thu hoạch, gọi là *lúa sớm* (tục gọi là *chiêm đông*), vùng gần nước ngọt thì tháng 6 xuống cấy, tháng 10 thu hoạch, gọi là *lúa muộn* (tục gọi là *lúa mùa*). Thời vụ cấy lúa sớm muộn đại khái như vậy. Khí lam chướng thì vùng ven biển không có, nhưng một vài nơi có khi có nước độc do nước lũ mùa hè từ thượng nguồn ở huyện Gia Viễn đổ xuống mà gây nên. Đó là do khí đất ở vùng đất mới bồi còn nhiều ẩm thấp, nhân dân phần nhiều mắc bệnh thời khí như ung nhọt, phù thũng<sup>1</sup>. Thủy triều mỗi tháng 2 lần, riêng tháng 2 và tháng 8 mỗi tháng 3 lần.

#### **Sông suối:**

-Một dòng gọi là Tân Giang, từ trại Ninh Dật qua ấp Trì Chính đổ xuống sông Đài Giang, dài 2.456 trượng 3 thước 3 tấc, rộng 10 trượng 8 thước. Triều lên sâu 1 trượng 8 thước, triều xuống sâu 1 trượng 5 thước.

-Một dòng gọi là Kiên Giang từ ấp Tuy Lộc đổ xuống sông Đài Giang, dài 965 trượng 4 thước, rộng 4 trượng. Triều lên sâu 5 thước, triều xuống sâu 2 thước.

-Một dòng từ Khe Vực đến ấp Lạc Thiện đổ vào sông Đài Giang, dài 1.270 trượng 5 thước, rộng 12 trượng 5 thước. Triều lên sâu 1 trượng 5 thước, triều xuống sâu 1 trượng 2 thước.

-Một dòng gọi là Khe Ô từ ấp Tôn Đạo qua các ấp Như Độ, Hoà Lạc đổ vào sông Đài Giang, dài 2.103 trượng 4 thước, rộng 3 trượng 2 thước 8 tấc. Triều lên chỉ sâu 3 thước 7 tấc.

-Một dòng gọi là Khe Giới, từ trại Hàm Phu đến trại Dĩ Ninh đổ vào sông Đài Giang, dài 1.080 trượng, rộng 3 trượng 9 thước. Triều lên sâu 3 thước 8 tấc, triều xuống sâu 1 thước 2 tấc.

-Một dòng gọi là Khe Hưng Hiền ở địa phận tổng Chát Thành. Đầu nguồn lâu ngày đất bồi nay đã cạn khô chỉ còn lại dấu tích cũ mà thôi. Dài 453 trượng 3 thước.

-Một dòng gọi là Khe Quét từ Tuấn Lộ<sup>2</sup> đến ấp Hồi Thuận đổ vào sông Đài Giang, dài 2.452 trượng rộng 3 trượng 2 thước. Triều lên sâu 4 thước 2 tấc, triều xuống sâu 3 thước 2 tấc.

-Một dòng gọi là Ân Giang từ tổng Chát Thành chảy ngang trong huyện đến tổng Lai Thành, dài 3.099 trượng 7 thước 5 tấc rộng 4 trượng, triều lên sâu 1 trượng 5 thước 2 tấc, triều xuống sâu 6 thước 3 tấc.

<sup>1</sup>Ngv.: độc cước 毒脚, tức bệnh cước khí, bàn chân phù thũng, kẽ chân bị rộp nước viêm loét.

<sup>2</sup>Tuân Hoá, ngv. chép Tuấn Lộ, nhưng trên bản kê thôn ấp và trên bản đồ kèm theo chỉ thấy trại Tuấn Hoá (tổng Hồi Thuận), không có tên Tuấn Lộ.

**Đường đi:**

-Một đường nhỏ phía đông từ tổng Chất Thành qua Hồi Thuận, Quy Hậu, Hương Đạo, Tự Tân, Tuy Lộc đến tổng Lai Thành dài 2.645 trượng 2 thước 5 tấc 5 phân, rộng 5 thước.

-Một đường đê cự lĩnh từ tổng Chất Thành đến tổng Tuy Lộc, dài 2.490 trượng 9 thước 2 tấc, rộng 1 trượng, cao 5 thước.

-Một đường đê ân từ tổng Chất Thành đến tổng Lai Thành dài 3.587 trượng 7 thước, rộng 1 trượng cao 3 thước.

**Đôn bảo:**

-Bảo Chất Thành: ở xóm Chất Thành.

-Tấn Trì Chính: ở ấp Trì Chính.

**Văn từ:**

-Đền huyện đặt ở ấp Như Độ.

**Đình điền, thuế lệ:**

Dân số các hạng: 2.499 người.

Ruộng đất công tư các hạng: 25.726 mẫu có lẽ.

Thuế các hạng cả năm:

-Nộp bằng tiền: 19.597 quan có lẽ.

-Nộp bằng thóc: 11.313 hộc có lẽ.

Tuyển lính: 195 người.

## PHỦ NHO QUAN

Phủ hạt<sup>1</sup> ở về phía tây bắc thành tỉnh. Phủ kiêm lý hai huyện Phụng Hoá, Lạc Yên, thống hạt huyện Yên Hoá.

Phủ lý đặt ở xã Lãng Phong tổng Lãng Phong. Phía trước có 1 dòng sông, từ giữa lòng sông [về phía bên kia] thuộc về huyện Gia Viễn. Hai bên trái và phải [phủ lý] đều có dân ở, nhà cửa đông đúc. Phía sau là ruộng sâu. Thành trong thành ngoài đều đắp tường đất thấp nhỏ, trên mặt tường trồng tre gai rất dày, bên ngoài cũng trồng tre gai xanh tốt. Trên mặt thành trong ở bốn góc cả hai bên tả hữu mỗi góc đặt một pháo đài. Chiều dọc thành dài 17 trượng 1 thước, chiều ngang dài 21 trượng.

Phủ hạt phía đông giáp hai phủ Yên Khánh, Gia Viễn, phía tây giáp hai huyện Cẩm Thủy, Quảng Tế tỉnh Thanh Hoá, phía nam giáp huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây.

Đông tây cách nhau 59 dặm. Nam bắc cách nhau 86 dặm.

Phủ kiêm lý huyện Phụng Hoá, kiêm nhiếp huyện Lạc Yên, cả 2 huyện này cộng 8 tổng:

1-**Huyện Phụng Hoá**, 4 tổng:

1.Tổng Lãng Phong      2.Tổng Yên Lạc      3.Tổng Văn Luận      4.Tổng Quỳnh Lưu

2-**Huyện Lạc Yên**, 4 tổng:

<sup>1</sup>Phủ Nho Quan: Đời Trần là thuộc lộ Trường Yên, sau đổi trấn Thiên Quan 天關. Năm Quang Thuận 10 (1469) định lại các phủ châu huyện, đặt riêng phủ Thiên Quan gồm 3 huyện Ninh Hoá 寧化 (sau đổi Yên Hoá 安化), Lạc Thổ 樂土, Phụng Hoá 奉化. Các triều sau vẫn theo như thế. Đời Tự Đức tránh chữ Thiên 天 (1861) là từ tôn quý, đổi làm phủ Nho Quan 儒關府. Nay là đất huyện Nho Quan, một phần huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình, và huyện Lạc Sơn tỉnh Hoà Bình.

1. Tổng Lạc Thành

2. Tổng Lạc Đạo

3. Tổng Lạc Nghiệp

4. Tổng Lạc Thiện

Thống hạt:

3-**Huyện Yên Hoá**, 4 tổng:

1. Tổng Bát Một

2. Tổng Đề Cốc

3. Tổng Vô Hốt

4. Tổng Xích Thổ

**Phong tục:**

Trong phủ hạt nửa số là người Kinh nửa số là người Thổ (Mường). Người Kinh thì đôn hậu, cần cù, chất phác, quả cảm có thừa. Làm nông gặt hái xong thì vào rừng hái củi đốt than. Người Thổ (Mường) tập tính mạnh tợn, phần nhiều thích săn bắn, không đi học. Riêng các Thổ hào, Thổ mục cũng có người đốn thầy về dạy học. Ăn mặc thì thích trang sức hoa văn. Thờ thần Phật đơn giản tiết kiệm, nhưng cưới xin tang ma lại xa xỉ. Tập tục khi ốm đau chỉ tin thầy mo, không tin thầy thuốc. Dân chúng hầu hạ các hào mục thì không kể tốn phí, không quản mệt nhọc, một lòng yêu kính, người Kinh không dễ có được đức ấy.

Trong phủ hạt người theo Thiên chúa giáo thì huyện Phụng Hoá có 5 xã, huyện Lạc Yên 2 xã, huyện Yên Hoá 5 xã.

**Sản vật:**

Trong phủ hạt nhiều lúa thu, ít lúa hè. Dâu, đay, đậu, ngô đều có, nhưng không nhiều lắm. Lâm sản thì huyện Lạc Yên vài nơi có mật ong, sa nhân, tre hoa. Hai huyện Yên Hóa, Phụng Hoá có củ mài, sắn dây, tre vầu, nứa, gỗ tạp, chỉ là các sản vật tầm thường mà thôi.

**Khí hậu:**

Đất vùng lưng núi rừng, khí lam chướng hơi nặng. Khí hậu giá lạnh. Người Thổ (Mường) ở nhà sàn<sup>1</sup>, không đốt củi than. Người Kinh thì ở nhà lều<sup>2</sup>, cây cày mùa màng thì cũng như các nơi khác.

**Núi sông:**

Trong phủ hạt nhiều núi, nhưng kể núi có tên thì huyện Yên Hoá có núi Mã Hương, huyện Phụng Hoá có núi Mã Thiên, núi Chân Lại, núi Sơn Âm, huyện Lạc Yên có núi Thạch Bi, núi Ngọc Lâu, núi Tức Tranh, núi Bình Kiệm, núi Vũ Lao.

-Một con khe nhỏ phát nguồn từ xã Phong Phú đến bảo Hoàn Giang thông ra sông Mã tỉnh Thanh Hoá (lòng khe khô cạn nhiều cát đá, thuyền bè không đi được).

-Một dòng sông lớn từ bến đò phủ lý qua ngã ba Đồng Đình đến ngã ba Kênh Gà. Sông này tính về huyện Gia Viễn, nhưng đất thuộc huyện Phụng Hoá.

-Một dòng sông lớn từ bảo Ninh Cương huyện Yên Hoá qua huyện lý Yên Hoá đổ xuống ngã ba Kênh Gà huyện Gia Viễn. Sông này tính về huyện Gia Viễn, nhưng đất thuộc huyện Yên Hoá.

**Danh thắng:**

Trong phủ chỉ có chùa núi Tam Động huyện Yên Hoá.

**Đường đi:**

Trong phủ hạt nhiều đường nhỏ đường nhánh, xem phần ghi về các huyện.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía đông nam, qua hai tổng Bát Một, Vô Hốt đến huyện lý Yên Hoá, dài 739 trượng 5 thước, rộng 2 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía tây nam, qua hai tổng Văn Luận, Quỳnh Lưu đến đường quan lộ huyện Yên Mô dài 8.293 trượng, rộng 5 thước.

<sup>1</sup>Ngv.: băng 棚, trong sách này cũng dùng chữ 棧 (sạn) để chỉ nhà sàn.

<sup>2</sup>Ngv.: lư thất 廬室, tức là kiểu nhà trệt ở đồng bằng, không có sàn.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía tây bắc, qua hai tổng Lãng Phong, Yên Lạc đến xã Phong Phú huyện Lạc Yên, quanh co dài 21.592 thước 5 thước (do miền chân rừng cây cối rậm rạp, đường nhỏ gập ghềnh).

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía đông bắc đến ấp Yên Lương quanh co dài 6.795 thước 6 thước.

**Đồn bảo:**

- Bảo Ninh Cương: ở xã Chi Nê.
- Bảo Chống Khé: ở xã Quy Hậu.
- Bảo Mỹ Hoà: ở xã Mỹ Hoà.
- Bảo Địch Giáo: ở xã Địch Giáo.
- Bảo Đôn Cỏ: ở xã Văn Lãng.
- Bảo Hoành Giang: ở xã Tân Mỹ.

**Vấn từ:**

[Đền phủ] dựng ở xã Lãng Phong huyện Phụng Hoá.

**Danh miếu:**

-Đền thần Cao Sơn: Xã Yên Lão huyện Phụng Hoá phụng thờ.

**Đình điền, thuế lệ:**

- Dân số các hạng: 7.175 người.
- Ruộng đất công tư các hạng: 15.396 mẫu có lẽ.
- Thuế các hạng cả năm:
- Nộp bằng tiền: 11.663 quan có lẽ.
- Nộp bằng thóc: 6.415 hộc có lẽ.
- Chợ lính: 114 người.

## **HUYỆN PHỤNG HOÁ**

Huyện Phụng Hoá<sup>1</sup> do phủ Nho Quan kiêm lý. Phía đông giáp hai huyện Gia Viễn, Yên Hoá. Phía tây giáp huyện Lạc Yên và huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hoá. Phía nam giáp huyện Yên Mô, và huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá. Phía bắc giáp hai huyện Lạc Yên và Yên Hoá.

Đông tây cách nhau 20 dặm. Nam bắc cách nhau 72 dặm.

Huyện có 4 tổng, gồm 30 xã, thôn, ấp, trại<sup>2</sup>:

**1-Tổng Lãng Phong**, 7 xã (đều người Kinh):

- |                 |                 |              |               |
|-----------------|-----------------|--------------|---------------|
| 1.Xã Lãng Phong | 2.Xã Phúc Lương | 3.Xã Yên Thị | 4.Xã Ngọc Ổng |
| 5.Xã Yên Trị    | 6.Xã Yên Mông   | 7.Xã Phú Lai |               |

**2-Tổng Yên Lạc**, 7 xã, ấp (đều là người Thổ [Mường]):

- |               |                            |                |                |
|---------------|----------------------------|----------------|----------------|
| 1.Xã Yên Lạc  | 2.Xã Thượng Lũng           | 3.Xã Hiệu Lũng | 4.Ấp Yên Lương |
| 5.Xã Chân Lại | 6.Xã Lạc Thủy <sup>3</sup> | 7.Xã Phù Vệ    |                |

<sup>1</sup>Huyện Phụng Hoá: Tên huyện thuộc phủ Thiên Quan đặt năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông. Nay thuộc huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình.

<sup>2</sup>Chữ甕, QV: ô cống 烏貢切 = cống.

<sup>3</sup>Xã Lạc Thủy: Từ đời Minh Mệnh về trước là xã Lạc Tuyền 樂泉. Từ 1841 kiêng đồng âm tên húy của Thiệu Trị,

**3-Tổng Văn Luận**, 7 xã (đều là người Kinh):

- |               |              |              |              |
|---------------|--------------|--------------|--------------|
| 1.Xã Văn Luận | 2.Xã Yên Lại | 3.Xã Phú Khố | 4.Xã Lai Các |
| 5.Xã Kỳ Lão   | 6.Xã Yên Lão | 7.Xã Chi Cái |              |

**4-Tổng Quỳnh Lưu** 9 xã, thôn, trại (đều là người Kinh):

- |                  |               |              |                 |
|------------------|---------------|--------------|-----------------|
| 1.Xã Quỳnh Lưu   | 2.Xã Phúc Lai | 3.Xã Yên Cư  | 4.Trại Phú Ốc   |
| 5.Trại Đại Phong | 6.Xã Châu Bạc | 7.Xã Yên Bạc | 8.Trại Mộc Hoàn |
| 9.Trại Quang Lối |               |              |                 |

**Phong tục:**

Người Kinh ở ba tổng Lãng Phong, Văn Luận, Quỳnh Lưu phần lớn quả cảm, kẻ sĩ chăm học, nhà nông thì ra sức cấy cây, chịu nộp tô thuế. Khi xong việc nông thì vào rừng hái củi đốt than kiếm sống. Tục cưới xin tang ma cúng tế và cách thức ăn mặc cũng như các huyện khác. Người Thổ (Mường) ở tổng Yên Lạc tính tình mạnh mẽ, giỏi bắn nỏ, thích săn bắn. Chỉ có Thổ hào, Thổ mục đón thầy về dạy học. Quần áo thì chuộng trang sức hoa văn. Thờ thần Phật thì tiết kiệm, nhưng cưới xin tang ma thì xa xỉ. Ốm đau thì chỉ tin vào thầy mo, không tin thầy thuốc. Dân chúng hầu hạ các hào mục thì không kể đến phí tổn, không quản mệt nhọc, một lòng yêu kính, cái đức ấy thì người Kinh cũng chưa dễ có được. Theo Thiên chúa giáo trong huyện chỉ có 5 xã là Văn Luận, Yên Bạc, Quỳnh Lưu, Phúc Lai và Yên Cư mà thôi.

**Sản vật.**

Trong huyện lúa thu nhiều, lúa hè ít. Dâu, đay, ngô, đậu thì các nơi đều có, nhưng không nhiều lắm. Lâm sản có củ mài, sắn dây, nứa, gỗ tạp, các sản vật tầm thường mà thôi.

**Khí hậu:**

Đất vùng lưng núi rừng, khí lam chướng hơi nặng. Khí đất lạnh nhiều. Không kể là mùa thu hay mùa đông, trời thường âm u, mây tụ thành mưa. Dấu thời tiết là mùa xuân hay mùa hè thỉnh thoảng vẫn có mưa rào, khí nóng bốc lên kết thành mù, khí độc đáng sợ, hàng ngày đến gần trưa mới thấy hửng trời. Vì thế người Thổ (Mường) ở nhà sàn, không đốt củi than. Còn người Kinh thì ở nhà lều, công việc cấy cây mùa màng thì cũng như các huyện khác.

**Sông núi.**

Trong hạt nhiều núi, nhưng có tên chỉ có núi Mã Thiên ở xã Phúc Lai, núi Sơn Âm ở ấp Yên Lãng, núi Chân Lại ở xã Chân Lại.

-Núi Mã Thiên: Tương truyền vua Đinh Tiên Hoàng khi còn nhỏ dẫn trẻ con chăn trâu đến đây làm trò chơi đánh trận, người đời sau dựng miếu thờ ở núi này<sup>1</sup>.

-Núi Sơn Âm: Có dòng suối chảy quanh, núi non la liệt, đường leo núi quanh co, cây cối um tùm, rất hiểm trở.

-Núi Chân Lại: Gần [về phía bắc] có các núi Hiệu Lũng, Thượng Lũng. Sông Lãng Phong bắt nguồn từ đây.

-Một dòng sông lớn từ bên đò huyện lỵ qua [ngã ba] Đông Đinh đến ngã ba Kênh Gà. Đất thuộc bản huyện hạt, nhưng sông thì tính về huyện Gia Viễn. Sông dài 2.636 trượng, rộng 24 trượng. Triều lên sâu 1 trượng 2 thước, triều xuống sâu 1 trượng.

---

đổi là xã Lạc Thủy 樂水.

<sup>1</sup>Tục gọi núi này là núi Vua Đinh.

**Đường đi:**

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây nam, qua hai tổng Văn Luận, Quỳnh Lưu đến giáp đường quan lộ huyện Yên Mô, dài 8.293 trượng, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông nam đến bến đò Lãng Phong dài 64 trượng 5 thước, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây bắc đến Hoành Giang, dài 6.951 trượng 5 thước. Vì đi qua rừng cây rậm rạp, nên đường này gồ ghề, nhỏ hẹp, quanh co.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông bắc đến ấp Yên Lương, dài 6.795 trượng 6 thước.

-Một đường nhỏ từ xã Văn Luận đến xứ Cuốn Đá, thông sang hai huyện Thạch Thành, Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá, dài 4.105 trượng.

-Một đường nhỏ từ xã Yên Lại đến xứ Cuốn Chim, thông đến giáp huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá, dài 9.532 trượng 5 thước.

**Văn từ.**

Đền phủ đặt ở xã Lãng Phong.

**Miếu có tên:**

-Đền thần Cao Sơn: xã Yên Lão phụng thờ.

**Đình điền, thuế lệ:**

Nhân số các hạng: 1.253 người.

Ruộng đất công tư: 5.611 mẫu có lẻ.

Thuế hàng năm:

-Nộp bằng tiền: 2.681 quan có lẻ.

-Nộp bằng thóc: 1.948 học có lẻ.

## HUYỆN LẠC YÊN

Huyện Lạc Yên<sup>1</sup> do phủ Nho Quan kiêm nhiếp.

Huyện hạt phía đông giáp huyện Phụng Hoá. Phía tây giáp châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hoá. Phía nam giáp hai huyện Cẩm Thủy, Quảng Tế tỉnh Thanh Hoá. Phía bắc giáp huyện Thanh Thủy tỉnh Hưng Hoá.

Đông tây cách nhau 103 dặm. Nam bắc cách nhau 65 dặm.

Lỵ sở nguyên đặt ở xã Vụ Bản. Năm Tự Đức thứ 9 (1856) huyện do phủ kiêm nhiếp nên bỏ huyện lỵ.

Huyện có 4 tổng, gồm 50 xã (đều là người Thổ [Mường]):

**1-Tổng Lạc Thành, 13 xã:**

1.Xã Hoài Ân

2.Xã Yên Nghiệp

3.Xã Tân Mỹ

4.Xã Tức Mặc

5.Xã Vụ Bản

6.Xã Vụ Nông

7.Xã Hưng Nhượng

8.Xã Bình Chân

9.Xã Vũ Lao

10.Xã Đa Phúc

11.Xã Bình Cảng

12.Xã Hiếu Nghĩa

13.Xã Ngọc Lâu

<sup>1</sup>Huyện Lạc Yên: Tên huyện đặt năm Quang Thuận 10 (1469) là huyện Lạc Thổ 樂土 thuộc phủ Thiên Quan. Các triều sau vẫn theo như thế. Năm Minh Mệnh 17 (1836) đổi là huyện Lạc Yên 樂安. Nay là huyện Lạc Sơn tỉnh Hoà Bình.

**2-Tổng Lạc Đạo**, 14 xã:

1.Xã Định Cư	2.Xã Suất Hoá	3.Xã Yên Diêm	4.Xã Phú Hậu
5.Xã Hướng Nghĩa	6.Xã Thượng Nhượng	7.Xã Quý Hoà	8.Xã Tuân Đạo
9.Xã Bình Hiểm	10.Xã Tức Tranh	11.Xã Văn Lãng	12.Xã Cư Nhân
13.Xã Văn Đức	14.Xã Mỹ Thành		

**3-Tổng Lạc Nghiệp**, 11 xã:

1.Xã Thân Thượng	2.Xã Tích Cốc	3.Xã Phúc Tuy	4.Xã Ngọc Mỹ
5.Xã Đông Lai	6.Xã Thanh Hối	7.Xã Chỉ Thiện	8.Xã Sơn Trang
9.Xã Quy Hậu	10.Xã Tử Nê	11.Xã Mẫn Đức	

**4-Tổng Lạc Thiện**, 12 xã:

1.Xã Phong Phú	2.Xã Mỹ Hoà	3.Xã Dịch Giáo	4.Xã Yên Lương
5.Xã Chí Đạo	6.Xã Lỗ Sơn	7.Xã Phu Vinh	8.Xã Tuân Lộ
9.Xã Phú Lâm	10.Xã Gia Mô	11.Xã Do Nhân	12.Xã Quy Mỹ

**Phong tục:**

Trong huyện đều là người Thổ (Mường), tính quen mạnh tợn, giỏi bắn nỏ, thích săn bắn, không học chữ Nho (Thi, Thư). Đàn bà con gái làm việc dầu tầm canh củi. Chỉ có Thổ hào, Thổ mục cũng có người đốn thầy về dạy học. Thờ thần thì tiết kiệm, nhưng các việc cưới xin tang ma thì xa xỉ. Ốm đau chỉ tin thầy mo, không tin thầy thuốc. Tính tình quê mùa chất phác nhưng không biết lễ nghi giao tiếp. Còn việc ăn mặc thì chỉ dùng vải xanh, vải trắng che thân, dùng mắm muối cho đủ vị. Tục lệ đạm bạc đơn giản, nhưng hầu hạ hào mục thì không kể phí tổn, không sợ mệt nhọc. Đại phàm có việc chỉ cần chỉ tay, ai nấy theo lệnh là làm, một lòng yêu kính, cái đức ấy thì người Kinh chưa dễ có. Dân theo Thiên chúa giáo trong huyện chỉ có 2 xã Văn Lãng, Mỹ Thành mà thôi.

**Sản vật:**

Trong huyện lúa thu nhiều, lúa hè không có mấy. Dầu, đay, đậu, ngô thì các nơi đều có, nhưng không nhiều mấy. Lâm sản có mật ong, sa nhân, tre hoa, vầu gõ tạp, nứa.

**Khí hậu:**

Huyện hạt nằm giữa lũng rừng, khí hậu lạnh lẽo, không kể là mùa thu hay đông, khí lam chướng đều rất nặng nề. Dầu là mùa xuân hay mùa hè khí nóng bốc lên thành mù, tháng đạm sương dày, hàng ngày đến gần trưa mới thấy trời hửng. Dân ở nhà sàn, không đốt than củi. Khí hậu đại khái không giống các huyện khác. Còn công việc cấy cấy mùa màng thì cũng giống các huyện khác.

**Sông núi:**

Trong huyện nhiều núi, nhưng có tên thì chỉ có núi Ngọc Lâu ở xã Ngọc Lâu, núi Thạch Bi ở xã Phong Phú, núi Tức Tranh ở xã Quý Hoà, núi Bình Hiểm xã Bình Hiểm, núi Vũ Lao ở xã Vũ Lao.

-Núi Ngọc Lâu: Thế núi cao sừng, dưới chân núi toàn là đá, nhưng trên đỉnh lại bằng phẳng, có khoảnh đất rộng chừng 200 mẫu, có nhà dân lên đó làm nhà, trồng khoai, đậu, ngô, lúa.

-Núi Thạch Bi: Đồi núi cao dốc, quanh co trùng điệp. Bên trái núi là giải sông Duyên Cầm chảy đến tả ngạn sông Đà tỉnh Hưng Hoá. Bên phải núi là hữu ngạn sông Duyên Đà. Khoảng giữa la liệt nhiều núi đất, đường núi quanh co, địa thế hiểm trở.

-Núi Tức Tranh: Dân ở dưới chân núi, ba mặt đông, tây, nam có đường đi quanh qua. Giữa có hai đường nhỏ thông sang huyện Thanh Sơn tỉnh Thanh Hoá và huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây.

-Ngọn Bình Hiểm: Núi tiếp giáp hai huyện Phụng Hoá, Yên Hoá thuộc bản phủ và với huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây làm thành một dải dài 40 dặm, có đường thông sang tỉnh Sơn Tây.

-Ngon Vũ Lao: Ba phía đông, nam, bắc liền với núi Vụ Bản, có đường chẽ bao quanh phía đông nam, là nơi bắt nguồn của sông Yên Giang.

-Một dòng suối nhỏ bắt nguồn từ xã Phong Phú đến bảo Hoàn Giang, thông với sông Mã tỉnh Thanh Hoá, dài 16.231 trượng (do lòng suối nhiều đá, cát nên dòng chảy nông cạn, thuyền bè không đi được).

#### **Đường đi:**

Trong huyện hạt có nhiều đường đi tắt, đều là những nơi đồi núi trùng điệp hiểm trở, địa thế khó đo được, nhưng có vẽ trong bản đồ.

-Một đường nhỏ từ xã Phong Phú đến sông Hoàn Giang, dài 14.641 trượng. Vì đi qua rừng cây rậm rạp, nên đường này gồ ghề, nhỏ hẹp, quanh co.

-Một đường rừng từ xã Tứ Mặc đến bảo Đôn Cỏ, giáp huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây, dài 9.303 trượng 5 thước.

-Một đường rừng từ ngã ba Tứ Mặc đến bảo Địch Giáo giáp Mai Châu, Mộc Châu tỉnh Hưng Hoá, dài 10.290 trượng.

#### **Đôn bảo:**

-Bảo Chống Khé: ở xã Quy Hậu.

-Bảo Đôn Cỏ: ở xã Văn Lăng.

-Bảo Mỹ Hoà: ở xã Mỹ Hoà.

-Bảo Địch Giáo: ở xã Địch Giáo.

-Bảo Hoàn Giang: ở xã Tân Mỹ.

#### **Đình điền, thuế lệ:**

Dân số các hạng: 4.911 người.

Ruộng công, tư: 4.183 mẫu có lẽ.

Thuế hàng năm:

-Nộp bằng tiền: 6.428 quan có lẽ.

-Nộp bằng thóc: 2.724 học có lẽ.

## HUYỆN YÊN HOÁ

Yên Hoá<sup>1</sup> là huyện thống hạt của phủ Nho Quan. Huyện lỵ đặt ở xã Kiến Phong tổng Bát Một. Bốn chiều đều rộng 10 trượng, bên ngoài trồng cọc nhọn. Bên trái, bên phải và phía sau là khu dân cư bao quanh. Phía trước có một nhánh sông nhỏ, khi nước triều xuống thì thông với sông lớn, có một cầu nhỏ bắc qua sông.

Huyện hạt phía đông giáp hai huyện Thanh Liêm, Chương Đức tỉnh Hà Nội. Phía tây giáp huyện Phụng Hoá. Phía nam giáp hai huyện Phụng Hoá, Gia Viễn. Phía bắc giáp huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây.

Đông tây cách nhau 42 dặm. Nam bắc cách nhau 73 dặm.

Huyện hạt có 4 tổng, gồm 23 xã, thôn, trang, ấp.

<sup>1</sup>Huyện Yên Hoá: Tên huyện đặt năm Quang Thuận 10 (1469) là huyện Ninh Hoá 寧化縣 thuộc phủ Thiên Quan. Đời Lê Trung hưng kiêng húy vua Trang Tông (Lê Duy Ninh), đổi làm huyện Yên Hoá 安化. Nay là thuộc miền núi huyện Gia Viễn giáp Hà Nam.

**1-Tổng Bát Một**, 3 xã:

- |              |                              |              |
|--------------|------------------------------|--------------|
| 1.Xã Bát Một | 2.Xã Kiến Phong <sup>1</sup> | 3.Xã Phục Cổ |
|--------------|------------------------------|--------------|

**2-Tổng Đề Cốc**, 4 xã:

- |             |           |             |             |
|-------------|-----------|-------------|-------------|
| 1.Xã Đề Cốc | 2.Xã Y Na | 3.Xã Bát Xỉ | 4.Xã Nga My |
|-------------|-----------|-------------|-------------|

**3-Tổng Vô Hốt**, 9 xã, [thôn], ấp:

(Trong đó 3 xã Vô Hốt, Hiền Quan, Phú Mỹ đều là người Kinh, 3 xã Hậu Bồng, Trường Môn, Triêm Hoá đều là người Thổ (Mường), 3 xã Lạc Bình, Thạch La, Bình Lạng nửa số người Kinh nửa số người Thổ [Mường]):

- |                 |                 |                |                 |
|-----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| 1.Xã Vô Hốt     | 2.Thôn Lạc Bình | 3.Xã Thạch La  | 4.Xã Bình Lương |
| 5.Xã Trường Môn | 6.Xã Phú Mỹ     | 7.Xã Hiền Quan | 8.Ấp Triêm Hoá  |
| 9.Xã Hậu Bồng   |                 |                |                 |

**4-Tổng Xích Thổ**, 7 xã, trang:

(Trong đó 2 xã trang Xích Thổ, Nhiệm Hạ đều người Kinh; 3 xã Hưng Thi, Cố Nghĩa, Chi Nê đều là người Thổ; 2 xã Tuân Dụ, Yên Đội nửa số người Kinh, nửa số người Thổ [Mường]).

- |               |               |              |                  |
|---------------|---------------|--------------|------------------|
| 1.Xã Xích Thổ | 2.Xã Hưng Thi | 3.Xã Tuân Dụ | 4.Trang Nhiệm Hạ |
| 5.Xã Yên Đội  | 6.Xã Cố Nghĩa | 7.Xã Chi Nê  |                  |

**Phong tục:**

Trong huyện số người Kinh và người Thổ (Mường) xấp xỉ bằng nhau. Người Kinh thì dững cảm nhưng hay tranh chấp, lách sự thắng người làm mạnh, dững cảm có dư mà văn nhã không đủ. Các việc cưới xin tang ma đồ dùng ăn mặc thì cũng giống như các huyện khác. Người Thổ (Mường) thì tính tình hung dữ mạnh tợn, giỏi bắn nỏ, ham săn bắn mà không chịu học chữ Nho (Thi, Thư), chỉ có các Thổ hào, Thổ mục có đón thầy về dạy học. Phạm có công việc sai bảo thì nhất mực tuân lệnh Thổ hào, Thổ mục. Người dân hầu hạ Thổ hào, Thổ mục thì không kể tốn phí, không quản mệt nhọc, một lòng yêu kính, cái đức ấy thì ngay người Kinh cũng chưa dễ có. Phong hoá người Thổ (Mường), người Kinh không giống nhau, đó cũng là do tập tục tạo nên như thế. Trong huyện theo Thiên chúa giáo chỉ có 5 xã Tuân Dụ, Chi Nê, Lạc Bình, Phú Mỹ, Phục Cổ mà thôi.

**Sản vật:**

Trong huyện đều cấy lúa thu. Chất đất trông hợp với đậu, đay, đậu, ngô, khoai, bông, cũng như ở các huyện khác. Lâm sản có: củ mài, sắn dây cùng là tre vầu, nứa, gỗ tạp là những sản vật tầm thường mà thôi.

**Khí hậu:**

Trong huyện hạt đều là núi rừng, khe động, khí hậu bất kể mùa thu hay mùa đông đều âm u lạnh rét. Cả mùa xuân mùa hè khí nóng bốc lên kết thành mù, khí lam chướng nặng nề rất đáng sợ. Hàng ngày đến gần trưa trời mới tạnh sáng. Vì thế người Thổ (Mường) ở nhà sàn, không đốt than củi. Người Kinh thì ở nhà lều, cách thức ăn mặc, đồ dùng, công việc cày cấy mùa màng cũng giống như các huyện khác.

**Sông núi:**

Trong huyện rất nhiều núi, nhưng có tên thì chỉ một núi Mã Hương mà thôi.

-Núi Mã Hương: Trong huyện có nhiều núi, nhưng chỉ có núi này là hơi cao.

<sup>1</sup>Xã Kiến Phong: Từ đời Minh Mệnh về trước là xã Hoa Đệ 花帝. Từ 1841 kiêng chữ Hoa (tên húy mẹ vua Thiệu Trị), đổi là xã Kiến Phong 建封.

-Một dòng sông lớn từ bảo Ninh Cương qua Khả Luật, Kiến Phong đến ngã ba Kênh Gà. Đất thuộc bản huyện, nhưng sông thì tính về huyện Gia Viễn. Sông dài 5.006 trượng. Trong đó:

- Đoạn từ đôn Ninh Cương đến bến Khả Luật, dài 3.000 trượng, rộng 30 trượng. Triều lên sâu 6 thước, triều xuống sâu 4 thước.
- Đoạn từ bến Khả Luật đến ngã ba Kênh Gà dài 2.006 trượng, rộng 27 trượng. Triều lên sâu 1 trượng 5 thước, triều xuống sâu 1 trượng 3 thước.

-Một sông lớn từ địa phận hai xã Hưng Thi, Cố Nghĩa đến bảo Ninh Cương dài 200 trượng, sông đã nông và hẹp dần.

-Một sông nhỏ từ ngã ba Kênh Bàu qua các xã Bát Xỉ, Y Na, Bát Một, Bình Lạng đến xã Hậu Bồng, dài 300 trượng, rộng 3 trượng, sâu 2 trượng.

#### **Danh thắng:**

-Chùa núi Tam Động: ở địa phận xã Phục Cổ, gần bờ sông. Có 3 động đá: Động thứ nhất gọi là động Nham Hao, rộng khoảng 9 trượng, dưới có động thông thủy. Có 1 pho tượng đá, dân địa phương gọi là Sơn Phật (Phật Núi). Động thứ hai là Quang động, giáp xã Hiền Quan. Động có 2 cửa, bên trong rộng 8 trượng, có sa thạch tròn nhỏ như viên thuốc, dân lấy về làm thuốc chữa bệnh rất hữu hiệu. Lại có dòng suối chảy xung quanh, từ động Nham Hao thông với động Bạch. Động thứ ba là Bạch động ở xã Hiền Quan. Trong động bằng phẳng rộng khoảng hơn 10 trượng. Mạch động từ động Quang chạy đến phía tây, các tầng động phân nhiều đều có các hình thú vật, phía sau có thạch nhũ nhấp nhô. Ở cả ba động đều có chùa, được coi là danh lam trong huyện.

#### **Đường đi:**

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía bắc qua Bát Xỉ, Y Na, Xích Thổ, Yên Đội, Tuần Dụ đến bến đò ngang xã Chi Nê, dài 1.620 trượng rộng 2 thước.

-Một đường nhỏ từ bảo Ninh Cương đến xã Hưng Thi thông đến địa giới huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây, dài 2.025 trượng, rộng 1 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua Phục Cổ, Hiền Quan đến bến Vô Hốt thông với phủ Nho Quan, dài 675 trượng rộng 2 thước.

#### **Đôn bảo:**

-Bảo Ninh Cương: ở xã Chi Nê.

#### **Đình điền thuế lệ:**

Nhân số các hạng: 1.011 người.

Ruộng đất công tư: 5.602 mẫu có lẽ.

Thuế hàng năm:

-Nộp bằng tiền: 2.554 quan có lẽ.

-Nộp bằng thóc: 1.743斛 có lẽ.

Tuyển lính: 43 người.

寧平省莅臣等欽遵批示編繪圖本進呈奏冊

## 寧平省目錄

(原本無有)

寧平省	頁一
安慶府	頁七
安慶縣	頁十二
安謨縣	頁十九
嘉遠縣	頁二十五
金山縣	頁三二
儒關府	頁三六
奉化縣	頁三九
樂安縣	頁四二
安化縣	頁四六

同慶敕製御覽

## 寧平省

省城在安慶縣安登總大登社地分。城砌土磚，周圍通長叁百玖拾叁丈玖尺，高玖尺。門貳（東、西、南）。後面依山為城，俯瞰大江。城周圍女牆通長叁百捌拾叁丈陸尺，高壹尺玖寸（本年摺請砌築用土磚），量開礮窖柒拾所（內轟山劈山礮門貳拾所；內過山礮窖五拾所）。護城山嶺周圍女牆拾叁丈捌尺捌寸，高或有處叁尺玖寸，或有處貳尺柒寸。量開礮門叁所（轟山、劈山）。前、左貳濠，廣各肆丈，深捌尺。後、右貳面因江為濠。省轄東夾南定省大安縣界，西夾清化省石城縣界，南夾清化省宋山、峨山貳縣界，北夾河內省青廉、彰德貳縣界。東南夾清化省宋山縣正大海口，西南夾清化省宋山縣界，東北夾南定省懿安、豐盈貳縣界。西北夾山西省美良縣、興化省陀北州界。東西相距陸拾捌里，南北相距五拾柒里。

省轄統府貳，縣柒

### 安慶府

兼理安慶縣

統轄安謨、嘉遠、金山叁縣

### 儒關府

兼理奉化縣，併攝樂安縣

## 統轄安化縣

## 風俗

安慶府轄均是漢民。就中安慶、安謨貳縣士敦業而毅，農力本而儉。爲工爲賈無甚精大。嘉遠縣士農漁樵所藝不一。士尚氣節而質，農多務本而儉，女事蠶織粗項絹布。貧民採柴資生。水機各坊攻魚爲業。金山縣士稍尚學而儉，農勤耕植而奢，工則無甚精巧，商則無大凡摺楫。其冠婚喪祭略同儒關府轄。奉化、安化貳縣漢土參半。樂安壹縣均是土民。漢民則勇敢有餘而文雅不足。土民則習尚獷悍而不事詩書。惟土豪土目間有迎師學習。事神者儉，婚喪者奢，事其豪目則盡其敬。俗好巫蠱。居則棚棧。至如衣服、飲食淡泊樸野。漢土不同風，亦氣習使然也。從道者，安慶縣間從拾捌社村庄坊，安謨縣間從貳拾社村庄坊，嘉遠縣間從全從貳拾社村庄坊，金山縣間從全從肆拾壹里邑寨甲，奉化縣間從五社，樂安縣間從貳社，安化縣間從全從五社。俗尚不同奉詳于諸縣。

## 物產

嘉遠縣夏禾多，秋禾少。安慶、安謨貳縣秋禾多夏禾少。金山縣並是秋禾。土續芋豆黃麥瓜蔬諸縣皆有，亦不甚多。惟安慶縣之大火虫、象皮、山金菊；安謨縣之山金菊；金山縣之草菅、蝦蟹、鴨、黑鱧、大火虫；嘉遠縣之鯉魚，各隨其年之多少。

## 氣候

安慶縣轄地處下游。辰候則春月東北風，細雨微寒。夏月南風陣雨盛暑。柒、捌月西北風，辰或積雨成潦。玖月貳拾日、拾月初五日大火虫應候而出。拾壹、拾貳月朔風嚴寒。農候夏禾以拾壹、拾貳月稼，肆、五月穫；秋禾以陸、柒月稼，拾月穫。芋諸續荳正、貳月植，肆、五月採。惟金山縣轄地居沿海，秋田近鹹水者，肆、五月稼，捌、玖月穫；近甘水者陸月稼，拾月穫。其水潮候每月貳次，惟貳、捌月叁次。儒關縣轄地居隴，嵐瘴頗多。天氣陰寒。土民柵居，不掇炭火。惟居近下游之漢民廬室耕穫與下縣同。

## 山水

轄內多山。舉其有名者，惟安慶縣之護城、迴鶴、鳶翅諸山；嘉遠縣之笛弄、臉弄、花閭、土蹟、穿水、馬鞍、環琦、多稼諸山、峒。安謨縣之善養、海岩、覃慶、玉兔、榜山、車轍諸山；奉化縣之馬千、真賴、山音諸山，樂安縣之石碑、玉樓、息爭、平險、武牢諸山；安化縣之馬香山。

一條大江自安化縣興施社經寧疆堡縈迴至嘉遠縣涇鵝三岐。

一條大江自儒關府轄經閩豐社津次注于同丁三岐，合流于涇鵝，經黃龍、長安至澗口三岐。

一條大江自青厥江夾河內省青廉縣界，經澗口三岐、山水三岐、蓬海三岐江（對岸南定省獨步江）至定省臺江邊海口。

一條小江自雲床江經安登、香油、安富三岐轉于蓮池、貞女分爲合貳派。壹派從蒲川、玉兔至仁品社放于清化省正大江；壹派從虎河、乾江放于海。

一條小江自安慶縣安富三岐經安謨縣之姜江、土密、金山縣之持正放于臺江（此條江俗號鑊江）。此各條支派猶多，另奉詳于各縣。

## 名勝

安慶縣之峒山寺、大登寺；嘉遠縣之古庵寺；安謨縣之碧峒山寺；安化縣之三峒山寺。

## 路程

一條關報路南夾清化省三疊山經寧遊、寧多貳站至青厥江，合對岸河內省青廉縣界，長柒千叁百柒拾柒丈廣自捌尺至壹丈上下。

一條關報路自寧多站至羅枚渡達于南定省界，長貳百捌拾丈，廣五尺。

一條小路自省城福登橋之東縈迴至蓬海總逢善堡，

長叁千叁百叁拾陸丈壹尺，廣五尺。

一條小路自省城福登橋之西縈迴至福庵村關報路，長壹百肆拾丈，廣壹丈。

一條小路自澗口社關報路之西北經梧桐渡、無忽渡至儒關府莅，長叁千玖百叁拾玖丈五尺，廣肆尺。

一條小路自里仁橋之東至安謨縣，長壹千玖百伍丈，廣肆尺。

一條小路自安謨縣莅之南至夾清化省宋山縣界，長貳千捌百柒丈，廣五尺至壹丈上下。

## 屯堡

里仁堡：設于安謨縣里仁社。

逢善堡：設于安慶縣逢善社。

質成堡：設于金山縣質成社。

持正汛：設于金山縣持正社。

寧疆堡：設于安化縣芝泥社。

探契堡：設于樂安縣豐富社。

美和堡：設于樂安縣美和社。

迪教堡：設于樂安縣迪教社。

屯靺堡：設于樂安縣文朗社。

橫江堡：設于樂安縣新美社。

## 文祠

文聖廟：設于安慶縣福庵村。

府文祠：設于安慶縣酈陽社。  
 縣文祠：設于安慶縣善掉社；嘉遠縣多稼社；安謨縣安謨社上村；金山縣如度邑；奉化縣閩豐社。

### 名廟

丁先皇帝廟：嘉遠縣長安上社奉事。  
 黎大行皇帝廟：嘉遠縣長安下社奉事。  
 阮覺海祠：安慶縣安衛社奉事。  
 壓浪真人祠：安謨縣神符總奉事。  
 阮明空祠：嘉遠縣恬江、恬舍貳社奉事。  
 陳太師祠：安謨縣茶須社奉事。

69

陳太尊皇帝廟：安慶縣武林總奉事。  
 安國神祠：嘉遠縣多祿社奉事。  
 陳簡定重光貳帝廟：安謨縣蒲川社奉事。  
 良郡公祠：安謨縣覃慶社奉事。  
 趙越王廟：安謨縣先安社奉事。  
 高山神祠：奉化縣安老社奉事。  
 廣淵神祠：嘉遠縣芝封社奉事。  
 南海肆位神祠：安謨縣安謨社乾村奉事。  
 張漢超祠：安慶縣福庵村奉事。  
 柳杏公主祠：安謨縣里仁社奉事。  
 省轄逐項人數叁萬玖百捌拾肆人  
 公私田土拾肆萬陸千柒百肆拾貳畝零  
 寔徵稅錢柒萬柒千柒百貳拾捌貫零  
 稅粟拾萬陸千貳百五拾肆斛零

揀兵貳千叁百叁拾叁人

7A

## 安慶府

府轄在省城之西。兼理安慶縣，統轄安謨、嘉遠、金山叁縣。府莅安慶縣安登總福庵村平塊處，接近民居。四面土牆，東拾玖丈，西拾捌丈，南拾肆丈，北拾五丈，通長陸拾陸丈，高五尺，厚肆尺。外樹尖竹青竹。前門壹。府轄東夾大江，對岸南定省大安縣界；西夾儒關府奉化縣界；南夾三疊山清化省宋山縣界；北夾青厥江，對岸河內省青廉縣界。東西相距五拾叁里，南北相距肆拾貳里。

兼理安慶縣拾壹總：

安登總	揚武總	同富總	安寧總
言茂總	安衛總	善掉總	武林總
安遠總	酈陽總	蓬海總	

7B

統轄安謨、嘉遠、金山叁縣貳拾捌總

安謨縣玖總：

廣福總	嫩溪總	土密總	白蓮總
覃慶總	安謨總	安雲總	蘭溪總
神符總			

嘉遠縣拾貳總：

多稼總 羅枚總 奇偉總 觀榮總  
 知誨總 長安總 大有總 黎舍總  
 聯登總 威遠總 青厥總 雲蓋總

### 金山縣柴總：

質成總 回純總 鄉道總 自新總  
 歸厚總 綏祿總 來成總

## 風俗

府轄肆縣均是漢民。安慶、安謨士敦業而毅，農力本而儉。爲工爲賈無甚精大，各以角勝相尚。嘉遠縣士農漁樵所藝不一。士尚氣節而質，民多務本而儉。女事蠶織粗項絹布。貧民採柴資生。水機各坊漁網爲業。金山縣士稍尚學而儉，農勤耕植而奢，工則無甚精巧，商則無大凡楫。冠婚喪祭風俗略同。從道者，安慶縣間從全從貳拾社村坊；金山縣間從全從肆拾壹里邑寨甲。

## 物產

府轄嘉遠縣夏禾多秋禾少。安慶、安謨貳縣秋禾多夏禾少。金山縣<sup>85</sup>並是秋禾。其土纒、芋豆、黃麥瓜蔬諸常產，安慶、安謨、嘉遠叁縣皆有，亦不甚多。惟安慶縣之大火虫、象皮、金菊，安謨縣之金菊，浸山縣之草菅、蝦蟹、鴨、黑鱧、大火，嘉遠縣之鯉魚，各隨其年之多少。安慶縣之白席稅。

## 氣候

正、貳月東北風，細雨微寒。叁、肆月東南風，陣雨漸溫。五、陸月南風盛發，暑氣薰蒸。柒、捌月西北風，辰或地凍，辰常雨雪。此辰候也，轄內安慶、安謨、嘉遠叁縣。夏禾以拾壹、拾貳月稼，肆、五月穫。秋禾以陸、柒月稼，拾月穫。芋薯纒荳正、貳月植，五月採。惟沿海之金山縣近鹹者肆、五月稼，捌、玖月穫；近甘者以陸月稼，拾月穫。此<sup>86</sup>農候也。其水潮候每月貳次，惟貳、捌月叁次。

## 山水

府轄之安慶、安謨、嘉遠叁縣多山。舉其有名者，安慶縣之護城山、回鶴山、鳶翅山，嘉遠縣之笛弄山、臉弄山、花閭峒、土蹟峒、川水峒、馬鞍山、琛琦山、多稼山，安謨縣之善養山、海岩山、覃慶山、玉兔山、榜山、車轍山。

大江叁條。內壹條自上安化縣寧疆堡注于嘉遠縣，涇鵬三岐；內壹條自上儒關府津次注于嘉遠縣同丁三岐，合流于涇鵬三岐，經大黃、長安江注于澗口三岐；內壹條自上青厥江，夾河內省界縈迴至澗口三岐合流，經安慶縣山水江、蓬海江注于臺<sup>87</sup>江遼海口。

小江叁條。內壹條自安慶縣雲床江經安登、香油至安富三岐；內壹條自安富三岐經石磊、酈陽、安遼、蓮池至貞女江分貳派。壹派從虎河乾江東放于海；

壹派從蒲川、玉兔放于清化省正大江。內壹條自安慶縣安富三岐經鄺陽、安遼、安安謨縣之姜江、土密，金山縣之持正放于臺江。各條支派猶多，奉詳于諸縣。

## 名勝

安慶縣有峒山寺、大登寺；嘉遠縣有古庵寺；安謨縣有碧峒寺。

## 路程

10a

一條關報路南自三疊山界首，夾清化省界經安謨縣寧遊站、嘉遠縣寧多站至青厥江界末，夾河內省界，長柒千叁百柒拾柒丈，廣自捌尺至壹丈上下。

一條關報路自寧多站至羅枚渡達于南定省界，長貳百捌拾丈，廣五尺。

一條小路自府莅之南關報路里仁社至安謨縣莅，長壹千玖百五丈，廣肆尺。

一條小路自府莅之東自寧平橋至蓬海總逢善堡，長叁千叁百叁拾陸丈，廣五尺。

一條小路自府莅之北澗口社關報路至梧桐渡，長叁千貳百<sup>10b</sup>丈，廣肆尺。

## 文祠

安謨縣之鄺陽、善掉貳社。  
嘉遠縣之多稼社。

安謨縣之安謨社上村。  
金山縣之如度邑。

## 名勝

丁先皇帝廟：由嘉遠縣以下，長安上社奉事。  
黎大行皇帝廟：長安下社奉事。

阮明空祠：恬江、恬舍貳社奉事。

11a

安國神祠：多稼社奉事。

廣淵神祠：芝封社奉事。

陳太尊廟：由安謨縣以下，武林總奉事。

趙越王祠：先安社奉事。

張漢超祠：福庵村奉事。

阮覺海祠：安衛社奉事。

壓浪真人祠：由安謨縣以下，神符總奉事。

柳杏公主祠：里仁社奉事。

陳太師祠：茶須社奉事。

南海四位神祠：安謨社乾村奉事。

11b

良郡公祠：覃慶社奉事。

陳簡定重光貳帝廟：蒲川社奉事。

## 屯堡

里仁堡：在里仁社。

逢善堡：在逢善社。

質成堡：在質成里。

持正汛：在持正邑。

丁田稅例

府轄人數：該貳萬叁千捌百玖人  
公私田土：拾叁萬壹千叁百肆拾陸畝零  
寔徵稅錢：陸萬陸千陸拾五貫零  
稅粟：玖萬玖千捌百叁拾玖斛零  
揀兵：貳千貳百拾玖人

12a

安慶縣

安慶府兼理。其轄東夾大江，對岸南定省大安社界，西夾嘉遠縣界，南夾安謨縣界，北夾嘉遠縣與南定省豐盈縣界。東西相距叁拾捌里，南北相距貳拾壹里。

縣轄拾壹總，柒拾貳社村庄坊溝（內水機貳坊）

安寧總陸社：

- 鳴盛社 雲蓬社 芳梅社 凍海社
- 安寧社 貢水社

安登總拾壹社村庄坊溝：

- 安登社 大登社 福庵村 姜祿坊
- 碧桃社 福整村 古鸞社 直渡溝
- 福池村 俯網坊 仰網坊
- 善掉總五社：

12b

- 善掉社 宸香社 安福社 安快社
- 福祿社

鄜陽總陸社村：

- 鄜陽社上村 鄜陽社下村 安居社
- 鄜陽社中村 安溪社叁村 富美社

延茂總五社村庄：

- 延茂社 同會庄 先安社上村 先安社下村
- 先安社中村

蓬海總玖社：

- 富厚社 歸厚社 建屋社 潤屋社
- 儒林社 逢善社 好善社 厥中社
- 奉公社

武林總肆社：

- 武林社 武林社 遵誥社 溪頭社

13a

同富總肆社村：

- 勝洞社 同富社柒村 席珍社 同富社貳村

安遼總柒社村：

- 安遼社上村 蒲葦社 安富社
- 安貢村 安遼社下村 石磊社叁村
- 安北村

楊武總拾社村庄：

- 楊武總拾社村庄：
- 遏虜社東庄 黃山村 武舍村
- 枚舍村 崑陵社上下貳村 步頭村

春盜村 真旅村

安衛總五社村：

安衛社 安川社 安里社 芳榆社

香油社

## 風俗

轄均是漢民醇樸，士尚文學而質，農勤耕植而儉。工則無甚精巧。商賈者少。惟直渡瀉無有田土地，造船雇渡行客生涯。<sup>138</sup>水機仰網、俯網貳坊結網攻魚爲業。其婚娶多於春秋之月。送死貧者則壹、貳日而葬，富者旬日而葬。喪畢則擇地改厝。春而祈福，秋而薦新。至於歲辰慶吊之禮亦各稱情而已。縣內間從道者，延茂社、先安社中村、安遼社上村、富美社東庄、真旅村、武舍村、枚舍村、富陵村、歸厚村、儒林社、厥中社、建屋社、芳梅社、安寧社、貢水社、俯網坊、仰網坊拾捌社村庄坊。其風俗與良民不同（由詳見金山縣）。

## 物產

縣轄夏禾多秋禾少。惟蓬海壹總並是秋禾。其芋纒荳麥瓜蔬，安登、善掉、安衛、安寧、安遼等總皆有。其象皮惟蓬海有之，但不甚多。護城山之金菊，安衛與蓬海、延茂江分之大火虫（玖月貳拾日，拾月初五日應候而出）各隨其年之多少，惟安衛爲佳。善掉社與<sup>143</sup>蓬海總織作白席。善掉社白席有

稅（全年白席叁百拾肆對）。

## 氣候

正、貳月東北風，細雨微寒。叁、肆月南風，陣雨漸溫。五、陸月南風盛發，暑氣薰蒸。柒、捌月西北陣風，辰或積雨成潦，加以水潮漲溢，田禾多被浸損。秋冬之交天氣常陰，乍晴乍雨，漸寒。拾壹、拾貳月朔風寒凍，雨雪屢降。此辰候也。秋禾以陸、柒月稼，拾月穫；夏禾以拾壹、拾貳月稼，肆、五月穫。芋纒荳麥瓜蔬正、貳月植，肆、五月採。此農候也。玖、拾月間火虫應候而出（玖月貳拾日，拾月初五日）是虫厚也。常有暴風甚雨，人民多感發寒熱之症。至如潮候與諸轄同。

## 山水

縣轄大登社之護城山、回鶴山、鳶翅山均是名山。

## 護城山

山在省城，北臨三岐江，古名山水山。陳張漢超改爲浴翠山，愛其佳勝晚居于此。此山古來題詠甚多，現存遺刻。其山之北臨水有洞。洞中設三府神祠。山腰有壹盤石臨流，上刻瞰蛟亭三大字。山之西南有祀祀山晶、水晶之神。山嶺舊有山水寺。本朝嘉隆年間，押人移其寺于鳶翅山。明命貳年聖駕北巡登覽，敕建樓于其上。紹治貳年<sup>145</sup>聖駕北巡登覽。敕改今名。又令砌築女牆、礮廠于其上。再奉

御製詩勒石，建碑亭于山腰。

### 洞山

一名回鶴山，在省城內西北隅，與護城山相近。西麓有寺。山半有洞。洞中有隙可通行人。石壁刻巧字大尺許，筆畫道勁。過此而上透天光峒，刻靈光峒三字。上有小石塔壹座肆層。峒前有壹處凹下，雨水所聚，俗謂之天井。其南峰上有靈光寺遺跡。由縣上至山嶺，諸石扣之皆成聲音。其北峰有凹處，雨水積之，俗謂之僊井。數步有壹處稍平。明命貳年奉<sup>15b</sup>敕建小方亭于其上。再轉下東北壹處平坦，俗謂之僊市。東麓有潛水壹泓深叁尺上下，澈底澄清。紹治貳年聖駕北巡登覽，嘉賞者久之，諭從臣曰：“朕觀此山景致較勝于浴翠山，何古來題詠卻少也”。

### 鳶翅山

山在平田突起石山。中壹峰最高，左右展開如鳥翼，故名。山腰之東南有古寺。東麓有古廟，祀光濟之神。北麓有新寺。西麓窩開壹處寬廣平坦可肆、五高，民田其中。明命貳年奉敕建小方亭，壹于山腰之北，登臨一望則山城亭塔，江浦帆檣片片<sup>16a</sup>然滿目如畫。

一條大江自山水三岐經蓬海注于臺江遼海口，長捌千壹百丈。

內自山水三岐至蓬海江三岐，長叁千貳百肆拾

丈，廣肆拾五丈貳尺。潮深肆丈肆尺，汐深肆丈貳尺。

內自蓬海三岐（對岸南定省獨步江）至臺江遼海口，長肆千捌百陸拾丈，廣肆拾五丈貳尺。潮深肆丈，汐深叁丈捌尺。

一條小江自雲床江經安登、武林、香油等三岐至安富三岐，長叁千五百陸拾肆丈。

內自雲床江山水三岐至安登三岐，長壹千肆拾柒丈，廣拾貳丈。潮深貳丈五尺，汐深貳丈叁尺。

內自安登三岐經武林、香油至安富三岐，長貳千五百拾柒丈，廣陸丈。潮深壹丈陸尺，汐深壹丈肆尺。

一條小江自安富三岐經石磊、安遼、酈陽至勝洞社分，夾安謨縣蓮池社三岐，長捌百拾丈，廣肆丈。潮深五尺，汐深叁尺。

一條小江自安富三岐經安北、酈陽、富美至夾安謨縣羅屏社江分，長玖百陸丈柒尺，廣五丈。潮深壹丈陸尺，汐深壹丈肆尺。（此條江俗號鑊江）。

一條小溪自夾安謨縣耽溪社至武林三岐，長柒百玖拾叁丈，廣叁丈，深叁尺。

### 名勝

#### 峒山寺

在省城內。峒山西麓因山巖爲寺。橫刻三世佛像于石壁祀之。

### 大登寺

在大登鶯翅山北麓。前臨半月湖，近有方亭。天然妙景。爲縣中名藍。

### 路程

一條關報路自席珍社，夾安謨縣界經踰橋、安橋、寧平橋至福庵村，夾嘉遠縣界，長貳千捌拾肆丈，廣壹丈貳尺。

17b

一條關報路自寧平橋至省城福登橋，長壹百捌丈，廣壹丈貳尺。

一條小路自寧平橋至蓬海總逢善堡，長叁千叁百叁拾陸丈，廣五尺。

一條小路自碧桃社三岐迂迴至安富江渡，長壹千玖百肆拾壹丈五尺，廣五尺。

一條小路自福登橋迂迴至福庵村關報路，長壹百肆拾肆丈，廣壹尺。

### 屯堡

逢善堡：設于逢善社。

18a

### 文祠

文聖廟：設于福庵村。

文祠：府祠設于鄺陽社；縣祠設于善掉社、

### 名廟

陳太尊廟：武林總奉事。

趙越王廟：先安社奉事。

阮覺海祠：安衛社奉事。

張漢超祠：福庵村奉事。

### 丁田稅例

縣轄人數玖千陸百拾捌人

18b

寔徵公私田土：叁萬柒千捌百叁拾捌畝零

稅錢壹萬捌千叁百陸拾貳貫零

稅粟：叁萬柒千玖百叁拾壹斛零

揀兵玖百叁拾肆人。

19a

## 安謨縣

安慶府統轄。縣莅在廣福總廣福社。土牆東西各長拾貳丈，南北各長拾捌丈，通長陸拾丈，高五尺，厚叁尺。前門壹。東夾金山縣界，西夾奉化縣界，南夾清化省峨山、宋山貳縣界，北夾安慶縣界。東西相距叁拾五里，南北相距叁拾里。

縣轄玖總，柒拾貳社村庄坊邑寨（內水機壹坊）

安謨總拾社村：

安謨社上村

安謨社乾村

瑰池社

廣功社  
濟社長生村  
鹿峒社涇陶村  
鳳池社  
安濟社安濟村安  
鹿峒社內村

## 白蓮總拾社村庄：

白蓮社 蒲川社 貞女社 長溪社  
弘澤社樓姑村 興賢庄 馬鞭社  
平毫社 安延社 弘澤社 黃泥村

## 蘭溪總玖社村：

蘭溪社 帶山社枚村平山村 蓮池社  
養善社 兌溪社 耽溪社 瑰溪社  
海岩社 開墾村

## 覃慶總拾叁社村庄坊：

覃慶社 茶須社 廣納社 郎歌社  
里仁社 雲腴社 海納社 光顯社  
可樂村 永姜社 水機坊 福山庄  
隊寧村

## 土密總陸社村寨：

土密社 香奈社 平海社內村河清社  
中同寨 平海社外村

## 安雲總肆社：

安雲社 姜上社 福岳社 羅屏社

## 廣福總陸社：

廣福社 先興社 壽平社 興賢社

姜裕社 古陀社

## 嫩溪總陸社：

嫩溪社 永祿社 福祿社 姜江社  
廣慈社 安師社

## 神符總捌社村邑寨：

玉林社 浮沙社 安林邑 英萃社英萃村  
仁品社 平沙寨 枚舍村 英萃社東高村

## 風俗

縣轄均是漢民。士則敦業而毅，農則務本而儉，工賈則無甚精大，各以角勝相尚。婚娶則不拘某月而東月居多，送死則貧者一、二日而葬，富者旬日而葬。喪畢則擇地改厝，謂之吉葬。春而祈福，秋而薦新。歲辰慶吊之禮亦各稱情而已。從道者，遞年正、貳月間則行肆拾柒日旬，謂之支秋臨<sup>209</sup>難節，凡酒肉諸戲並戒。旬終謂之支秋復生節，於是烹牲舉酒互相燕樂。其人生則一室，死則一葬，此為別俗也。間從道之海岩、廣納、永姜、廣功、古林、白蓮、安延、長溪、平豪、浮沙、枚舍、平沙、福岳、安雲、羅屏、蓮池、善養、蘭溪、先興、水機貳拾社村坊。其道堂白蓮、浮沙、安雲、福岳肆所，而福岳稍為壯麗。

## 物產

縣轄夏禾少秋禾多。土纊芋荳桑麥皆有，但不甚多。惟耽溪、瑰溪貳社山分產出山金菊有進，隨年多

少。

## 氣候

正、貳月東北風，細雨微寒。叁、肆月東南風，陣雨漸溫。五、陸月南風盛發，暑氣薰蒸。柒、捌月西北陣風辰或積雨成潦，加以潮水漲溢，田禾多被浸損。秋21b冬之交，天氣常陰，乍晴乍雨，漸寒。拾壹、拾貳月朔風寒凍，雨雪屢降。此歲候也。秋以陸、柒月稼，拾月穫；夏以拾壹、拾貳月稼，肆、五月穫。土續芋荳桑麥正、貳月植，肆、五月採。此農候也。如拾月間大火虫應候而出（玖月貳拾日，拾月出五日是虫候也）。常有暴風陣雨，人多感發寒熱之症。轄內嵐氣惟里仁、永姜、福山、隊寧、可樂各社村庄有之。餘皆地勢低濕。肆、五月暑氣蒸鬱人民多生病症。

## 山水

縣轄多山。舉其有名者，惟善養社之善養山，海岩社之海岩山，覃慶社之孔笏山，蒲川社之玉兔山，安謨社之榜山，鳳池社之車轍山。

## 善養山

其山崔嵬圓秀。登高憑遙眺，群山皆小。石色青蒼，採以爲硯滑潤可愛。21b明史載安南名山二十一。鴻武初列祀郊壇。叁年命官致祭，圖其形勢以歸，此其一也。

## 海岩山

安南志略，武臨山此山在海岩社。

## 覃慶山

石山兩邊聳立，緊夾如生成石梁一條，官路由中行。白石嶙峋，狀似魚頭魚骨。黎光定地輿志云：孔笏處俗謂空路笏口，即此。

## 玉兔山

山中有橫孔通人行。嶺上一石俯瞰江邊形如蹲兔，故名。黎景興間又以近港刻玉兔港三字于山腰。

22a

## 榜山

山形似榜，故名。榜山出小山名帽山。

## 車轍山

山形六脊如車轍，故名。登高一望，群山皆南走，惟此山當中，尖秀特異。海外望之以爲標志。山下舊爲黎功臣黎念采邑。人追祀之，有碑刻于山崖。

一條小江自蓮池三岐經貞女、蒲川三岐至神符總仁品社，夾清化省正大庄，長肆千肆拾柒丈，廣五丈，深陸尺上下。

一條小江自貞女三岐經虎河至乾江，夾金山縣綏祿里，長壹千貳百肆拾丈，廣肆丈，深肆尺。

一條小江自光顯三岐經里仁橋至蓮池三岐，長叁千貳百叁丈，廣五尺，深22b貳尺五寸。

一條小溪自光顯三岐至耽溪社，夾安慶縣界，長玖百丈，廣叁丈上下，深貳尺五寸。

一條小溪自安延三岐至蒲川社三岐，長玖百玖拾捌

丈，廣叁丈，深貳尺五寸。

一條小江自羅屏社至土密，夾金山縣寧謐寨，長壹千捌百肆丈，廣捌丈，潮深壹丈五尺，汐深壹丈叁尺。

## 名勝

縣轄惟有耽溪社之碧峒山寺是為名勝。

山中有峒，石乳叁差。照之以燭瑩若玻璃。峒口外有兩小山，**峙**立，號三關山。行者必由此而後入峒。黎永盛間有二僧，一智堅，一智體於峒中修23a造上、中、下三寺。石**壁**刻碧峒二字，今存。山之東南為海巖山，中有穿水峒，可通船隻，亦曰石梁渡。

## 路程

一條關報路自里仁、茶須二社林分，夾三疊山至夾安慶縣界，長貳千五百玖拾捌丈，廣自叁丈至壹丈。

一條小路自縣莅之南至仁品社，夾清化省界，長貳千捌拾柒丈，廣貳尺至壹丈上下。

一條小路自縣莅之東至福岳社，夾安慶縣界，長貳千叁百捌拾叁丈，廣壹丈。

一條小路自縣莅之里橋關報路，長壹千玖百五丈，廣肆尺。

## 屯堡

**23b**

里仁堡：設于里仁社。

## 文祠

縣祠設于安謨社上村。

## 名廟

陳簡定、重光二帝廟：蒲川社奉事。

陳太尊廟：安謨、長溪二社奉事。

趙越王廟：廣慈社奉事。

壓浪真人祠：神符總奉事。

陳太師祠：茶須社奉事。

良郡公祠：覃慶社奉事。

南海四位神祠：安謨社乾村奉事。

**24a**

柳杏公主祠：里仁社奉事。

## 丁田稅例

縣轄逐項人數柒千捌百拾玖人

公私田土貳萬玖千肆百叁拾畝零

寔徵稅錢壹萬五千貳百柒拾貳貫零

稅粟貳萬貳千肆百肆拾柒斛零

揀兵柒百捌拾人。

25a

## 嘉遠縣

安慶府統轄。縣莅在多稼總戴仁社。四面土墻，東西各長拾肆丈，南北各長拾肆丈壹尺，通長五拾陸丈貳尺，高五尺，上廣叁尺，下廣陸尺，外樹茅壘密茂。前門壹。東夾南定省懿安豐盈貳縣界，西夾儒關府安化、奉化貳縣界，北夾河內省青廉縣界，南夾安慶縣界。東西相距叁拾貳里，南北相距貳拾壹里。

縣轄拾貳總，該玖拾壹社村庄寨坊

## 多稼總陸社庄：

多稼下社 戴仁社 甘蔗社 富家社  
力稼社 兼多庄

## 羅枚總柒社庄坊：

羅枚社 羅戶社 羅雲社 罷貯庄  
白渠社 中貯社 甘蔗坊

## 奇偉總柒社：

奇偉社 香盎社 黃山社 福山社  
養溪社 稼戶社 稼富社

## 長安總五社：

長安上社 長安下社 芝封社 安城社  
安宅社

## 知誨總捌社坊：

知誨社 隨誨社 善誨社 神紹社

澗口社 朗雲社 宮桂坊 隨誨坊

## 大有總五社坊：

大有社 恬江社 恬江坊 雲龍社

恬舍社

## 黎舍總拾壹社村庄寨坊：

黎舍社 樂快社 生藥社 玉洞社

犢庄寨 安舍村 東溪社 茶嶺社

整頓社 春池庄 靜溪坊

## 聯登總玖社坊：

聯登社 端平社 貞富社 梧桐社

真美坊 神壘社 真美社 蒲亭社

聯登坊

## 觀榮總陸社：

觀榮社 梧溪社 盜山社 盜伍社

大盜社 清溪社

## 威遠總拾壹社坊：

威遠社 威濟社 枚香社 玉蕊社

碧山社 架山社 謝堂社 黃卷社

無價社 枚香坊 赤土坊

## 雲蓋總玖社坊：

雲蓋社 拜恩社 同樂社 安止社

有常社 磊山社 山藥社 拜恩上坊

拜恩下坊  
青厥總柒社村坊：

青厥社 山厥社 茶菜社 笛弄社  
宮桂社 池洞村 青厥坊

## 風俗

縣轄均是漢民，士農漁樵所藝不一。士尚氣節而質，農多務本而儉。女事蠶織皆粗絹布。貧民採柴資生。水機各坊漁網爲業。其冠婚喪祭，器用服食都從儉約。此風俗使然也。轄內間從道者，大有社、恬江坊、貞富社、蒲亭社、眞美坊、聯登坊、黃卷社、赤土坊、枚香坊、拜恩上坊、拜恩下坊、靜溪坊、朗雲防、隨誨坊、宮桂坊、青厥社；全從者，羅雲社、盞山社、甘蔗坊該貳拾社坊。

## 物產

地勢低濕，頻年秋潦。夏禾者多，秋禾無幾。就中間有一、二稍高之田只堪栽植芋薯麥瓜蔬而已。惟水機拾貳坊江分產粗鯉魚。當初多產大火虫，如玖月貳拾日，拾月初五日應候而出。自有金山縣以來海濱日遠，田水酸冷至有產出此項。

## 氣候

與安慶縣同。惟遞年夏月多雨，上源之水不通，田禾多被浸損。至捌、玖月多雨，間有盛潦溢入，民間

棧居船行。至拾月水汐于海，田間始得耕播。此氣候也。

## 山水

轄內多山。舉其有名者，笛弄社之笛弄山、臉弄山，威遠社之花閭峒，雲蓋社之土蹟峒，長安社之穿水峒、馬鞍山、環琦山，多稼社之多稼山。

### 笛弄山

山中有洞，名巖山洞。洞開三門。其中石色玲瓏如玻璃之狀。石上有坳，水常不涸。中有片石鱗甲宛如鯉魚形。旁石平羅列，扣之則鳴如鐘磬之聲。其石乳垂下有如懸柱者，有如象鼻，有如甕形者。別有壹穴深幽不知一底，人不敢入者。洞之西門有寺。

### 臉弄山

俯臨喝江，對岸河內省青廉縣洞川社山分。群山夾立，水從中流，俗號臉鞦。

### 花閭峒

四面石山羅列，其中平地可貳畝，有小溪自峒中流出，經知誨社巢龍村，亦號巢龍溪，注于黃龍江之下流，即丁先皇初養晦處也。今峒中有古廟奉祀。

### 土蹟峒

山腰有峒，峒中又分爲貳。前峒有隙，上透天光，後峒尤深，入必以火，寬廣可容數百人。石乳凝結瑰琪可愛。

### 穿水洞

俗號豁崙。石峒橫寺，下有洞谷。港水穿流可通小船筏。景<sup>28b</sup>致佳勝。堪輿家謂之石梁。峒傍有小山壹，狀似人形，俗號狀元峰。相對壹山石片堆疊狀似書架，俗號書函峰。

### 馬鞍山

以形似名。上有丁帝陵。

### 環琦山

山巖險僻多岩谷。

一條大江之安化縣寧疆堡，經可律渡至涇鵠三岐。這江屬縣轄，地屬安化。其江長廣著從安化縣圖本。

28a

一條大江自儒關府津次，經同丁三岐至涇鵠三岐。這江屬縣，地居奉化。其江長廣著從奉化縣圖本。

一條大江自涇鵠三岐經大黃、長安江至澗口三岐，長叁千陸百叁拾陸丈。

內自涇鵠至長安江，長貳千肆百貳拾陸丈，廣肆拾丈。潮深壹丈捌尺，汐深壹丈五尺。

內自長安江至澗口三岐，長壹千貳百拾丈，廣叁拾丈。潮深壹丈，汐深捌尺。

一條大江自青厥江至夾河內省青廉縣界，經澗口至山水三岐，長肆千肆百玖丈。

內自青厥江至澗口三岐，長貳千五百貳拾丈，廣肆拾丈。潮深肆丈，汐深叁丈捌尺。

內自澗口三岐至山水三岐，長壹千捌百玖拾捌丈，廣壹百叁拾丈。潮深貳丈，汐深壹丈捌尺。

一條小江自同丁三岐經雲蓋、黎舍至樂快三岐，長貳千陸百柒拾壹丈。

內自雲蓋總至黎舍總，長壹千肆百柒拾壹丈，廣拾丈。潮深五尺，汐深叁尺。

內自黎舍總至樂快三岐，長壹千貳百丈，廣貳拾五丈。潮深壹丈貳尺，汐深壹丈。

30a

一條小溪自架山社至聯登三岐，長玖百玖拾丈，廣柒丈。潮深五尺，汐深叁尺。

一條小溪號黃龍溪，自長安江經穿水洞至香盎社與樞溪合流，長壹千肆百丈，廣肆丈。潮深肆尺，汐深貳尺。

一條小溪號樞溪，自羅枚總界經奇偉總至安慶縣古鸞社，長貳千叁百拾肆丈，廣叁丈。潮深肆尺，汐深貳尺。

一條小溪（由澗塞不堪舟行）自威遠總黃卷社注于笛弄社，長壹千捌百丈，廣叁丈。潮深叁尺，汐深壹尺。

## 名勝

### 古庵寺

30b

縣轄惟有。笛弄社巖山之西因山為寺。景致自然。本

朝明命貳年聖駕北巡登覽。叁年奉放銅質金湘佛像肆尊，白金五拾兩。紹治貳年聖駕北巡，命監城描畫圖本進覽。奉放錢壹百緡。

### 路程

一條關報路自甘蔗社至青厥渡，長貳千陸百拾五丈，廣捌尺。

**31a**  
一條關報路自寧多站至羅枚渡通于南定省，長貳百捌拾丈，尺。

### 文廟

縣祠設于多稼社。

### 名廟

丁先皇廟：長安社奉祀。

黎大行皇帝廟：長安下社奉祀。

阮明空祠：恬江、恬舍貳社奉祀。

安國神祠：多稼社奉祀。

廣淵神祠：芝封社奉祀。

### 丁田稅例

縣轄人數叁千捌百柒拾叁人

寔徵公私田土叁萬捌千叁百五拾貳畝零

稅錢壹萬貳千捌百叁拾肆貫零

稅粟貳萬捌千壹百肆拾捌斛零

揀兵叁百拾人。

## 金山縣

**32a**  
安慶府統轄。縣莅歸厚總歸厚里。土墻南北各長拾五丈柒尺，東西各長拾柒丈，通長陸拾五丈肆尺，高五尺，厚壹尺。肆面濠廣各壹丈，深叁尺叁寸。東夾海，西夾安謨縣界，南夾清化宋山縣界，北夾安慶縣界。東西相距拾肆里，南北相距叁拾陸里。

縣轄柒總拾五里邑寨甲：  
質成總拾五里邑寨甲：

質成里 決平邑 格心寨 惠迪寨

流清甲 如登甲 能安寨 春回寨

成德甲 共潤寨 均霑寨 蒙休寨

湧翠寨 咸孚寨 止善寨

**32b**  
回純總拾貳邑寨甲坊滿：

回純邑 息鷲邑 遵化寨 熙然甲

定向寨 直渡滿 浴德邑 同仁寨

以寧寨 養恬邑 蹈矩寨 水機坊

歸厚總拾里邑：

歸厚里 尊道邑 至靜邑 如度邑

和樂邑 潔己邑 好義寨 循禮寨

含恩甲 惟和邑

鄉道總玖里邑寨：

鄉道里 見泰邑 中規寨 樂善邑

守中邑 福田寨 蔭光寨 同得邑  
應律邑

自新總玖邑寨：

自新邑 敷榮邑 留香邑 尚儉邑  
安土邑 發艷邑 持正邑 密如寨

寧謚寨

綏祿總陸里邑：

綏祿里 安城邑 文海邑 安平邑  
安和邑 綏定寨

來成總叁邑：

來成邑 懷來邑 綏來邑

334

## 風俗

士尚文學而儉，農勤耕植而奢，工則無甚精巧，商則無大帆楫，惟小小竹舟往來轄內商賈而已。婚娶之禮，冬月居多。送死則叁、肆日內乘凶就阡葬埋葬，叁年之後擇地改葬，謂之吉葬。春首則祈福晏老。秋仲則秋祭。玖月歲熟則嘗新。歲辰慶吊之禮與諸轄同。惟道民地年正、貳等月肆拾柒日內謂之支秋臨難節。此等日凡酒肉諸戲並戒。至肆拾柒日旬終謂之支秋復生。於是日豬酒舉相慶賀。此道俗迥別也。轄內，間從道之均霑、決平、咸孚、蒙休、能安、湧翠、成德、惠迪、春回、共潤、格心、流清、養恬、以寧、同仁、遵化、浴德、回純、自

## 物產

335

新、敷榮、留香、持正、來成、綏來、懷來、鄉道、應律、見泰、歸厚、尊道、好義、惟和、潔己、含恩、和樂、至靜；全從道之蹈矩、發艷、如登、熙然肆拾「壹？」里邑寨甲。道堂五所：發艷、格心、養恬、鄉道、尊道，而發艷最為壯麗。

縣轄並是秋禾。其稍高之田間有可堪栽植桑芋稻麥。

近海泥濘之田多植草菅。海物之蝦蟹、鴨、黑鱔、大火（玖月貳拾、拾月初五海潮漲入田間，其虫自地出。人民設布帛于下流以承之），但隨年多少。

## 氣候

正、貳月東北風，雨雪屢降，微寒。叁、肆月東南風，亦有陣雨。江水至此漸甘可飲。五、陸月南風發，多暑。柒、捌月常西南風，陣風陣雨間作。或霖雨積潦，而近海早消，或不辰潮水漲盛，田禾間被損傷。秋冬之交天氣長陰，乍晴乍雨。至此雨潦平，海潮漲。其水酸不堪飲。田間築堰以禦。玖月貳拾、拾月初五日江水盛，大火虫出（俗謂大火水，大火雨）。拾壹、拾貳之月朔風盛寒，地凍，辰常雨雪。此壹歲寒暑之候也。農候並是秋田。近海田者以肆、五346月稼，至捌、玖月穫，名為早穀（俗謂斟東）。近甘者以陸月稼，拾月穫，名為晚穀（俗謂稽稼）。此田禾早晚之候也。嵐瘴之氣，海居

者無之。間有一、二以江水（至雨潦之期江水由嘉遠縣諸上流注下者）帶來故也。此土氣新培濕盛，人民多生瘡毒腳氣之症。潮候每月貳次。惟貳、捌月叁次。

## 江溪

一條號新江，自寧謚寨經持正注于臺江，長貳千肆百五拾陸丈叁尺，廣拾丈捌尺。潮深壹丈捌尺，汐深壹丈五尺。

一條號乾江，自綏祿里放于臺江，長玖百陸拾五丈肆尺，廣肆丈。潮深五尺，汐深貳尺。

一條自域溪至樂善邑放于臺江，長壹千貳百柒拾丈四尺，廣拾貳丈五35B尺。潮深壹丈五尺，汐深壹丈貳尺。

一條號烏溪，自尊道經如度、和樂等邑放于臺江，長壹千壹百叁丈肆尺，廣叁丈貳尺捌寸。潮深只叁尺柒寸。

一條號界溪，自咸孚寨至以寧寨放于臺江，長壹千捌拾丈，廣叁丈玖尺。潮深叁尺捌寸，汐深壹尺貳寸。

一條號興贊溪，在質成總地分。其源日久體培，今已淺涸，惟存舊跡而已。長肆百五拾叁丈叁尺。

一條號撥溪，自遵路至回純放于臺江，長貳千肆百五拾貳丈，廣叁丈貳尺。潮深肆尺貳寸，汐深叁尺貳寸。

一條號恩江，自質成總橫穿轄內至來成總，長叁千玖拾玖丈柒尺五寸，35B廣肆丈。潮深壹丈五尺貳寸，汐深陸尺叁寸。

## 路程

一條小路東自質成總經回純、歸厚、鄉道、自新、綏祿至來成總，長貳千陸百肆拾伍丈貳尺五寸五分，廣五尺。

一條巨領堤，自質成總至綏祿總，長貳千肆百玖拾丈玖尺貳寸，廣壹丈，高五尺。

一條恩堤，自質成總至來成總，長叁千五百捌拾柒丈柒尺，廣壹丈，高叁尺。

## 屯堡

質成堡：在質成里。

持正汛：在持正邑。

## 文祠

35D縣祠設于如度邑。

## 丁田稅例

縣轄逐項人數貳千肆百玖拾玖人

公私田土貳萬五千柒百貳拾陸畝零

寔徵稅錢壹萬玖千五百玖拾柒貫零

稅粟壹萬壹千叁百拾叁斛零

揀兵壹百玖拾五人。

36a

## 儒關府

府轄在省城之西北。兼理奉化、樂安貳縣，統轄安化縣。府莅在閩豐總閩豐社。前面有江壹帶，江心屬嘉遠縣轄，左、右、西面均有民居居住，家屋稠密。後面深田。內城外城軍築土牆低小，牆面補樹苗芽甚密，外樹苗芽秀茂。內城上左右肆角設礮臺各壹。中長拾柒丈壹尺，橫貳拾壹丈。其府轄東夾安慶、嘉遠貳府縣界，西夾清化省錦水、廣濟貳縣界，南夾清化省宋山縣界，北夾山西省美良縣界。東西相距五拾玖里，南北相距捌拾陸里。

兼理奉化，並攝樂安貳縣捌總  
奉化縣肆總：

36b

閩豐總	安樂總	文論總	瓊瑤總
樂安縣肆總：			
樂成總	樂道總	樂業總	樂善總
統轄安化縣肆總：			
不沒總	提谷總	無忽總	赤土總

## 風俗

府轄漢土參半。漢民則果敢有餘，敦勤素業，農事收成入林採取柴炭。土民習尚獷悍，多好弩礮畋獵，不讀書。惟土豪土目亦有迎師學習。衣服尚華飭。事神佛者儉，而婚葬者奢。信巫不信醫。其民事豪

目不計費，不憚勞，愛敬之心漢民未易得。府轄從

道者 **37a** 奉化縣五社，樂安縣貳社，安化縣五社。

## 物產

府轄秋禾多，夏禾少。桑麻、菽麥皆有，且不甚多。其林產樂安縣間有蜂蜜、砂仁、斑竹，安化、奉化貳縣間有薯蕷、葛根、青皮、沙竹、雜木尋常等物產而已。

## 氣候

地居林隴，嵐瘴稍重。其氣陰寒。土民棚居，不掇炭火。漢民盧室耕穫與他縣同。

## 山水

府轄其山最多。舉其有名者，惟安化縣之馬香山，奉化縣之馬千山、**37b** 真賴山、山音山，樂安縣之石碑山、玉樓山、息爭山、平儉嶺，武牢嶺。一條小溪發源自豐富社至橫江堡，通于清化省馬江。溪心砂石淺涸，不堪舟行。一條大江自府莅津次，經同丁三岐至涇鴉三岐。這江屬嘉遠縣，地屬奉化縣。一條大江自安化縣寧疆堡，經安化縣莅注于嘉遠縣涇鴉三岐。這江屬嘉遠縣，地屬安化縣。

## 名勝

府轄惟安化縣三峒山寺。

### 路程

(轄內支派條路猶多，另奉詳于各縣)

一條小路自府莅之東南，經不沒、無忽貳總至安化縣莅，長柒百叁拾玖38b丈五尺，廣貳尺。

一條小路自府莅之西南，經文論、瓊瑠總至安謨縣關報路，長捌千貳百玖拾叁丈，廣五尺。

一條小路自府莅之西北，經閭豐、安樂貳總至樂安縣豐富社迂迴，長貳萬壹千五百玖拾貳丈五尺。

(由林麓叢雜，狹小崎嶇)

一條小路自府莅之東北，至安良邑迂迴，長陸千柒百玖拾五丈陸尺。

### 屯堡

寧疆堡：在芝泥社。

探契堡：在歸厚社。

美和堡：在美和社。

迪教堡：在迪教社。

屯靺堡：在文朗社。

橫江堡：在新美社。

38b

### 文祠

建于奉化縣閭豐社。

### 名廟

高山神祠

奉化縣安化社奉事。

府轄逐項人數柒千壹百柒拾五人

公私田土壹萬五千叁百玖拾陸畝零

寔徵稅錢壹萬壹千陸百陸拾叁貫零

稅粟陸千肆百拾五斛零

揀兵壹百拾肆人

39a

## 奉化縣

儒關府兼理。其轄東夾嘉遠、安化貳縣界，西夾樂安

縣與清化省石城縣界，南夾安謨縣與清化省宋山縣

界，北夾樂安、安化貳縣界。東西相距貳拾里，南

北相距柒拾貳里。

縣轄肆總叁拾社村邑寨

閭豐總柒社：(由並是漢民)

閭豐社

福良社

安市社

玉甕社

安治社

安蒙社

富萊社

安樂總柒社邑：(由並是土民)

安樂社

上隴社

校隴社

安良邑

真賴社

樂水社

扶衛社

文論總柒社：(由並是漢民)

文論社

安賴社

富庫社

萊閣社

耆老社 安老社 芝蓋社

瓊瑠總玖社村寨：（由並是漢民）

瓊瑠社 福萊社 安居社 富屋寨

大豐寨 珠泊社 安泊社 木丸寨

琯塢寨

## 風俗

縣轄漢民之閩豐、文論、瓊瑠叁總人多果敢，然士則勤于學，農則盡力耕田供租就賦。農事收成入林採取柴炭度活。冠婚喪祭，服食與他縣同。土民之安樂總習尚獷悍，善礮弩，好畋獵。惟土豪土目亦有迎師學習。衣服尚華飭。事神佛者儉，而婚喪者奢。信巫不信醫。其事豪目不計費，不憚勞，愛敬之心漢民未易得。縣轄從道者，惟文論、安泊、瓊瑠、福萊、安居五社而已。

40a

## 物產

縣轄秋禾多，夏禾少。桑麻菽麥皆有，但不甚多。林產間有薯蕷、葛根、沙竹、雜木尋常物產而已。

## 氣候

縣轄地居林隴，嵐瘴稍重，陰氣多寒。無論秋冬辰常積陰成雨。雖春夏之候間多陣雨。而煙蒸霧結，嵐瘴驚人。日近午天方覺清朗。故土民棚居不掇炭火。至如漢民盧室，耕播辰候與他縣同。

## 山水

轄內多山。舉其有名者，惟福萊社之馬千山，安良邑之山音山，真賴社之真賴山。

40b

### 馬千山

相傳丁先皇為兒初率牧童演陣為戲，後人即其處立廟祀之。

### 山音山

遶流，群山羅列，鳥道迂回，林木幽叢，最為巖險之地。

### 真賴山

相近有效隴、上隴諸山。閩豐江源出焉。

一條大江自縣莅津次經同丁至涇鵠三岐，地屬縣轄，江屬嘉遠。其江長貳千陸百叁拾陸丈，廣貳拾肆丈。潮深壹丈貳尺，汐深壹丈。

## 路程

一條小路自縣莅之西南，經文論、瓊瑠貳總至夾安謨縣關報路，長捌千 41a 貳百玖拾叁丈，廣五尺。

一條小路自縣莅之東南，至閩豐渡，長陸拾肆丈五尺，廣五尺。

（由這條路林叢崎嶇狹小縈迴以下）

一條小路自縣莅之西北，至橫江，長陸千玖百五拾壹丈五尺。

一條小路自縣莅之東北，至安良邑，長陸千柒百玖拾五丈陸尺。

一條小路自文論社至礮石處，通于清化省石城、宋山貳縣界，長肆千壹百五丈。  
一條小路自安賴社至礮嶋處，通于清化省宋山縣界，長玖千五百叁拾貳丈五尺。

### 文廟

府祠設于閭豐社。

### 名廟

41b

高山神祠：安老社奉事。

### 丁田稅例

縣轄逐項人數壹千貳百五拾叁人  
公私田土五千陸百拾壹貫零  
寔徵稅錢貳千陸百捌拾壹貫零  
稅粟壹千玖百肆拾捌斛零

42a

## 樂安縣

儒關府併攝。縣轄東夾奉化府界，西夾興化省陀北州界，南夾清化省錦水、廣濟貳縣界，北夾興化省清水縣界。東西相距壹百叁里，南北相距陸拾五里。莅所原設在務本社嗣德玖年省之，攝於府。

縣轄肆總五拾社（由並是漢民）

### 樂成總拾叁社：

- 懷恩社 安業社 新美社 即墨社
- 務本社 務農社 興讓社 秉真社
- 武牢社 多福社 平港社 好義社
- 玉樓社

### 樂道總拾肆社：

- 定居社 率化社 安恬社 富厚社
- 向義社 尚讓社 遵道社 貴和社
- 平險社 息爭社 文朗社 居仁社
- 文德社 美成社

### 樂業總拾壹社：

- 親上社 積穀社 福綏社 玉美社
- 東萊社 清誨社 止善社 山庄社
- 歸厚社 紫泥社 敏德社

### 樂善總拾貳社：

- 豐富社 美和社 迪教社 安良社
- 志道社 魯山社 敷榮社 遵路社

42b

富康社 嘉謨社 由仁社 歸美社

## 風俗

轄內均是土民，習尚獷悍，善弩好畋獵，不事詩書。女事蠶織。惟土豪土目亦有迎師學習。是神者儉，婚喪者奢。信巫而不信醫。樸野而不<sup>439</sup>知禮。至於服食則青白布蔽身，鹽鹹備味。其俗淡泊樸略。惟其尊奉豪目則不計費，不憚勞。凡事使指惟命是從。愛敬之心想漢民中未易得也。轄內從道者，文朗、美成貳社而已。

## 物產

轄內秋禾多，夏禾無幾。桑麻菽麥芋荳皆有，但不甚多。其林產間有蜂蜜、砂仁、斑竹、青皮、雜木、沙竹物項無已。

## 氣候

地居林隴，其氣陰寒。嵐瘴最重。無論秋冬，雖春夏之辰而煙蒸霧結，霞重嵐深，日近午天方覺清朗光景。民皆棚居，不掇炭火。其氣候與他縣不同。至如耕穫與他縣同。

## 山水

轄內多山。舉其有名者，惟玉樓社之玉樓山，豐富社之石碑山，貴和社之息爭山，平險社之平險山，武牢社之武牢山。

### 玉樓山

山勢高聳，山腳皆石，嶺上乃原土坦平約貳百畝，有民築居栽樹芋荳苗麥。

### 石碑山

岡巒峻峭，層疊蜿蜒。左一帶緣琴江，至興化省之沱江左岸。右壹帶緣沱江右岸。中有土山羅列，蹊徑縈迂，勢頗巖險。

### 息爭山

民居麓下，路遠于東、西、南叁面，中開貳徑通于清化省之清山縣，山西省之美良縣。

### 平險嶺

山與奉化、安化貳縣並山西省之美良縣相接，壹帶肆拾里。有路通于山西省。

### 武牢嶺

東、南、北連務本嶺。有岐路遠于東南，即煙江壹支發源處。

一條小溪發源自豐富社至橫江堡，通于清化省馬江，長壹萬陸千貳百叁拾壹丈。（由溪心砂石甚多，淺涸不堪舟行）。

## 路程

縣轄徑路多係山堆重疊險阻，勢難丈度，另奉繪于圖本。

（由林麓叢雜低小縈迴崎嶇以下）

一條小路自豐富至橫江，長壹肆陸百肆拾壹丈。

一條林路自即墨社至屯鞞堡，夾山西省美良縣界，

長玖千叁百叁丈五尺。

一條林路自即墨社三岐至迪教堡，夾興化省枚州、木州，長壹萬貳百玖拾丈。

### 屯堡

探契堡：在歸厚社。

屯鞞堡：在文朗社。

美和堡：在美和社。

迪教堡：在迪教社。

橫江堡：在新美社。

### 丁田稅例

45a

縣轄逐項人數肆千玖百拾壹人  
公私田土肆千壹百捌拾叁畝零  
寔徵稅錢陸千肆百貳拾捌貫零  
稅粟貳千柒百貳拾肆斛零

46a

## 安化縣

儒關府統轄。縣莅在不沒總建封社，肆面廣各拾丈，外樹尖芽，左、右、後環以民居。前有壹小沱，潮汐通于大江。架壹小橋。縣轄東夾河內省彰德、青廉貳縣界，西夾奉化縣界縣界，南夾奉化、嘉遠貳縣界，北夾山西省美良縣界。東西相距肆拾貳里，南北相距柒拾叁里。

縣轄肆總貳拾叁社村庄邑

不沒總叁社：

不沒社 建封社 復古社

提谷總肆社：

提谷社 猗那社 不侈社 峨眉社

46b

無忽總玖社邑：

(內無忽、賢關、富美叁社並是漢民；內厚俸、場門、霑化叁社並是土民；內樂平、石羅、平涼叁社半漢半土)

無忽社 樂平村 石羅社 平涼社

場門社 富美社 賢關社 霑化邑

厚俸社

赤土總柒社庄：

(內赤土、髯下貳社庄並是漢民；內興施、顧義、芝泥叁社並是土民；內遵裕、安隊貳社半漢半土)

赤土社 興施社 遵裕社 髯下庄

安隊社

顧義社

芝泥社

## 風俗

轄內漢土參半。漢民則好勇而尚爭，專以勝人爲彊，果敢有餘，文雅不足。至如冠婚喪祭，服食亦與他縣同。土民則獷悍，善弩礮，好畋獵而不事詩書。惟土豪土目有學有師。凡事使指是壹惟土豪土目之聽。其尊奉豪目則不計費，不憚勞。愛敬之心想漢民中未易得。漢土不同風，亦氣習使然也。縣轄從道者之遵裕、芝泥、樂平、47a富美、復古五社而已。

## 物產

縣轄並是秋禾，桑麻菽麥芋纊，土宜與他處同。至如林產間有薯蕷、葛根及青皮、沙竹、雜木，尋常物產而已。

## 氣候

林巒溪峒其氣陰寒。無論秋冬，雖春夏煙蒸霧結，嵐瘴驚人。日近午天方覺清朗光景。故土民棚居不掇炭火。漢民服食廬室耕穫早晚氣候與他縣同。

## 山水

轄內其山最多。舉其有名者，惟安隊社之馬香山而已。

馬香山：轄內多山，惟此山爲稍高。

一條大江自寧疆堡經建封至涇鵲三岐。地屬縣轄，

江屬嘉遠。其江長五千陸丈。

內自寧疆堡至可律渡，長叁千丈，廣叁拾丈。

潮深陸尺，汐深肆尺

內自可律至涇鵲三岐，長貳千陸丈，廣貳拾柒

丈。潮深壹丈五尺，汐深壹丈叁尺

一條大江自興施、顧義貳社分至寧疆堡，長貳百丈。漸以淺狹。

一條小江自我巴涇瓢經不侈、猗那、不沒、平涼等社至厚俸社，長叁百丈，廣叁丈，深貳丈。

## 名勝

## 三峒山寺

在復古社分，近臨江岸。有石峒三。一曰巖耗峒，廣可玖丈，下有洞水通，有石像一，土人呼之爲山佛；二曰光峒，夾賢關社。峒開兩口，中廣捌丈。有砂石圓小如藥丸形，土人取之治病有效。又一條澗水盤遶自巖耗峒通于白峒；三曰白峒，在賢關社。其中平廣可拾丈餘，從光峒來，西邊層層，多有獸形。後有石乳叁差。三峒各有寺，爲縣中名勝。

## 路程

一條小路自縣莅之北，經不侈、猗那、赤土、安隊、遵裕至芝泥社橫渡，長壹千陸百貳拾丈，廣貳尺。

48b

一條小路自寧疆堡至興施社，通于山西省美良縣界，長貳千貳拾五丈，廣壹尺五寸。  
 一條小路自無忽社，經樂平、場門、厚俸至霑化邑，長貳千貳拾五丈，廣壹尺五寸。  
 一條小路自縣莅之西，經復古、賢關至無忽渡，通于儒關府，長陸百柒拾五丈，廣貳尺。

### 屯堡

寧疆堡：在芝泥社。

### 丁田稅例

49a

縣轄逐項人數壹千拾壹人

公私田土五千陸百貳畝零

寔徵稅錢貳千五百五拾肆貫零

稅粟壹千柒百肆拾叁斛零

揀兵肆拾叁人

